

VỀ MẶT TRẬN TIỀN TỆ Ở VIỆT NAM TRONG “30 NĂM ĐẤU TRANH GIÀNH TRỌN VẸN NON SÔNG” (1945-1975)

Nguyễn Anh Huy*

Mùa thu năm 1945, phát xít đầu hàng, Cách mạng tháng Tám thành công, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ra đời, quân đồng minh tái chiếm Đông Dương...

Ngày 28/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký quyết định thành lập Bộ Tài chính để phục vụ chi tiêu của Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Tài chính do ông Phạm Văn Đồng làm từ tháng 9/1945 đến tháng 3/1946, sau đó là ông Lê Văn Hiến làm từ tháng 3/1946 đến tháng 10/1958; Giám đốc Ngân khố Trung ương là ông Nguyễn Văn Khoát.

Sau khi đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 02/9/1945, nhu cầu chi tiêu của nhà nước non trẻ VNDCCH mới ra đời rất lớn, nhưng chính phủ không chiếm được Ngân hàng Đông Dương (NHĐD) mà chỉ tiếp quản Ngân khố Trung ương lúc đó còn vốn vụn có 1.250.000 piastres, trong đó có 580.000 đồng là tiền hào rách nát chờ hủy, và một gánh nợ lớn của Ngân khố Đông Dương là 564.367.522 piastres⁽¹⁾! Để khắc phục khó khăn, ngày 04/9/1945, Chính phủ VNDCCH ra Sắc lệnh số 4/SL về việc Tổ chức Quỹ Độc lập vận động nhân dân đóng góp trong *Tuần lễ vàng* (17-24/9/1945)⁽²⁾ đã thu được hơn 370kg vàng và 20 triệu piastres. Hội đồng Chính phủ dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều phiên họp... chỉ kể từ 20/9 đến 31/12/1945 đã họp 78 lần trong đó có 31 lần bàn về tài chính...

“Lúc ta về và kiểm soát nhà băng Đông Dương, ta cũng bắt mở cho ta một tài khoản riêng và ứng tiền cho ta. Trước uy thế của cách mạng, chủ nhà băng phải phục tùng lệnh xuất tiền của Ngân khố ta. Tầm séc đầu tiên Ngân khố ta giao sang

(*) Bệnh viện Trung ương Huế - Cơ sở 2.

(1) Các khoản trong đó gồm: 75.555.612 đồng nợ ngân phiếu chưa có tiền trả, 63.892.000 đồng nợ quốc dân về số tiền hào do Ngân khố Đông Dương phát hành, 124.146.700 đồng nợ về trái phiếu ngắn hạn phát hành năm 1941-1942, và 300.773.210 đồng nợ NHĐD.

(2) Xem thêm các bài của Nguyễn Văn Giác: “Tuần lễ vàng năm 1945: từ tư liệu mới cập nhật”, *Xưa & nay*, Số 519 (5/2020), tr. 41-47; “Tuần lễ vàng năm 1945: những thông tin nổi bật”, *Xưa & nay*, Số 523 (9/2020), tr. 51-54. Trong hai bài viết này, tác giả cho biết Tuần lễ vàng bắt đầu từ ngày 16/9/1945, kéo dài đến ngày 09/01/1946, và các hiện vật được đóng góp trên toàn quốc gồm vàng, tiền mặt, gạo, nhà cửa, thuốc, đồ đồng... đến nay vẫn chưa thể có một con số chính xác rõ ràng.

nhà băng Đông Dương để lấy tiền vào ngày 28/8/1945, và từ đó thành lệ, Ngân khố ta ký séc, nhà băng Đông Dương xuất tiền. Tổng cộng số tiền nhà băng phải xuất cho ta là 22 triệu đồng Đông Dương. Nhưng khi thực dân Pháp trở nổ súng xâm lăng Nam Bộ thì bọn nhà băng cũng trở mặt không chịu xuất đầy đủ số tiền theo lệnh của ta, và đến ngày 23/10/1945 thì chúng đình chỉ không chịu xuất tiền nữa. Nhân lúc xuất tiền theo lệnh của Ngân khố ta, nhà băng Đông Dương định giao cho ta loại giấy bạc 100\$ kiểu mới để nếu Ngân khố ta phát ra chi tiêu thì chúng sẽ tung ra một khối lượng giấy bạc cùng kiểu để vơ vét của cải của nhân dân ta mà không ai kiểm soát được. Nắm được âm mưu đó, ta đã báo cho chúng biết rằng số bạc 100\$ kiểu mới giao sang Ngân khố ta sẽ đóng dấu nổi, tờ nào không có dấu ấy sẽ bị coi là bất hợp pháp. Nhà băng Đông Dương đành phải giao cho ta các loại giấy bạc kiểu cũ”⁽³⁾.

I. Giấy bạc Việt Nam, tiền tài chính cụ Hồ

Để xây dựng nền tiền tệ độc lập, ngày 01/12/1945, Bộ Tài chính ra Nghị định số 76/TC phát hành lần đầu tiên đúc 2 hào bằng nhôm Việt Nam, và ngày 21/01/1946 có Nghị định số 156/TC cho phát hành thêm tiền đúc 5 hào.

Và để chuẩn bị việc in tiền giấy, Bộ Tài chính đã triệu tập về Hà Nội 20 họa sĩ để vẽ mẫu giấy bạc: nhóm của họa sĩ Mai Văn Hiến vẽ mẫu 5 đồng, nhóm của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung vẽ mẫu 10 đồng, nhóm của họa sĩ Nguyễn Văn Khanh vẽ mẫu 20 đồng, và nhóm của họa sĩ Nguyễn Huyền vẽ mẫu 100 đồng.

Sau khi có chủ trương in tiền riêng của Chính phủ Việt Nam, cơ quan ấn loát Tài chính Trung ương được thành lập, do ông Phạm Quang Chúc phụ trách; ở miền Trung có Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ do ông Lê Trọng Cự đảm nhiệm⁽⁴⁾. Cơ sở in tại Hà Nội có Nhà in Nguyễn Ninh (phố Hàng Than), Nhà in Việt Hưng (phố Cửa Nam) và Nhà in Ngô Tử Hạ (phố Lý Quốc Sư); riêng cơ sở in tại Huế đặt ngay trong Nhà in Ngô Tử Hạ ở đường Hàng Bè (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng, TP. Huế), chữ ký đại diện Bộ Tài chính do ông Nguyễn Văn Tấn (Giám đốc Nha Tài chính Trung Bộ) ký.

Đến ngày 31/01/1946 thì Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Liên hiệp Lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký Sắc lệnh số 18B cho phép Bộ Tài chính “*Tại miền Nam Trung bộ từ vĩ tuyến 16 về Nam sẽ phát hành đồng bạc giấy Việt Nam*”⁽⁵⁾, và đến ngày 03/2/1946 (tức ngày Mồng 2 tết Bính Tuất) tiền

⁽³⁾ Đặng Đình Hòe (1991). “Kiểm soát nhà băng Đông Dương và bàn việc thành lập Ngân hàng Việt Nam”. *40 mùa sen nở*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tr. 132.

⁽⁴⁾ Nhiều tác giả (1998). *Một thời không quên*. Nxb Thuận Hóa, tr. 11.

⁽⁵⁾ Trong bài viết này, khi một “trích dẫn” trong ngoặc kép viết kèm theo một Sắc lệnh, đồng nghĩa rằng đây là trích dẫn nguyên văn từ Sắc lệnh.

được Ủy ban Hành chánh Trung Bộ tổ chức phát hành tại Quảng Ngãi và các tỉnh Nam Trung Bộ vì ở đây không có quân đội nước ngoài chiếm đóng, chính quyền Việt Nam hoàn toàn làm chủ. Các loại tiền này in trên giấy bồi bằng vỏ cây xay do Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ cùng Ủy ban Tổng phát hành *Giấy bạc Việt Nam* in ấn. Trong kỳ họp quốc hội đầu tiên vào tháng 3 năm 1946, ông Võ Nguyên Giáp đã thay mặt chính phủ cho biết tiền Việt Nam đã phát hành ở Nam Trung Bộ được nhân dân tín nhiệm, hưởng ứng, làm cả hội trường quốc hội vui mừng, phấn khởi:

Ta tiêu giấy bạc Cụ Hồ,

Là ta xây dựng cơ đồ ngày mai.

Ta cầm giấy bạc trên tay,

Có hình ảnh Bác, có ngày vinh quang⁽⁶⁾!

Tiền tài chính này dần lan ra Hà Nội, nên ngày 13/8/1946 có Sắc lệnh số 154-SL do Phó Chủ tịch Chính phủ là Huỳnh Thúc Kháng ký, cho phép tại miền Bắc Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở ra, nay phát hành đồng giấy bạc Việt Nam, lưu hành song song với tiền giấy NHDD cũ với tỷ giá 1:1. “*Kể nào làm giả hay có hành động phá hoại giá trị của đồng bạc giấy Việt Nam sẽ bị đưa ra Tòa án quân sự*”.

Tuy nhiên, người Pháp vẫn xem vấn đề tiền tệ thuộc chủ quyền của mình nên ngày 17/11/1945, Cao ủy Pháp là Đô đốc Bá tước D’Argenlieux tuyên bố hủy bỏ giấy 500 đồng vàng (rồng xanh - rồng vàng) cho rằng được in thời chính phủ thân Nhật nên không còn giá trị sử dụng. Sự giao thiệp về vấn đề tiền tệ giữa hai Chính phủ Pháp - Việt trở nên gay go có lúc đổ máu như đầu năm 1946, người Pháp đã bắn vào dân Hà Nội biểu tình phản đối sự hủy bỏ giấy 500 đồng.

Do Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946, Chính phủ Pháp đã công nhận nước ta là “*một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng...*”, nên để phản đối việc Pháp cho phát hành thêm tiền mới, ngày 05/4/1946, Chính phủ VNDCCH ra Sắc lệnh số 46 do Hồ Chủ tịch ký, tuyên bố: “*Các giấy bạc phát hành sau ngày 6 tháng 3 năm 1946 sẽ không được lưu hành trong toàn cõi nước Việt Nam nếu không được Chính phủ thừa nhận. Các thứ giấy bạc lưu hành, trái phép sẽ bị tịch thu*”⁽⁷⁾; còn Chính phủ Pháp thì tuyên bố không chịu trách nhiệm gì về tiền do Việt Nam in ra! Khắp Việt Nam và cả ở Lào cùng Campuchia nguyên vị tiền tệ Pháp - Việt chưa được thỏa thuận nhưng ở Hội nghị Đà Lạt và Hội nghị Fontainebleau (từ ngày 06/7 đến ngày 13/9/1946) hai chính phủ đã thỏa thuận

⁽⁶⁾ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016). *Lịch sử Ngân hàng Việt Nam [1951-2016]*. Nxb Lao động, tr. 33.

⁽⁷⁾ Theo Sắc lệnh này, Bộ Tài chính Việt Nam ra một loạt nghị định: Nghị định số 316/TC ngày 08/4/1946, Nghị định số 334/TC ngày 18/4/1946, Nghị định số 523/TC ngày 06/7/1946, cấm lưu hành trên toàn cõi Việt Nam các loại giấy bạc 500 đồng, 50 đồng mẫu mới của NHDD phát hành...

nguyên tắc là giá trị đồng bạc Đông Dương so với đồng franc sẽ do hai bên ký kết. Thỏa hiệp Việt - Pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kết với Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp Marius Moutet ngày 14/9/1946, Điều 5 như sau: “-Art 5: *Aussitôt résolu le problème d’harmonisation monétaire actuel, une seule et même monnaie aura cours dans les territoires qui sont placés sous l’autorité du Gouvernement de la République démocratique du Vietnam et dans les autres territoires de L’Indochine. Cette monnaie est la piastre indochinoise émise actuellement par la Banque de L’Indochine en attendant la création d’un Institut d’Émission*”⁽⁸⁾.

Đến đầu tháng 12/1946, trong một cuộc họp riêng ở Hà Nội, trao đổi ý kiến giữa hai chính phủ đều cho rằng vấn đề tiền tệ có thể dung hòa được nếu các vấn đề khác giải quyết xong...

Nhưng ngày 19/12/1946, tiếng súng bùng nổ... Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi... Toàn quốc kháng chiến... Trong vùng Pháp kiểm soát, cấm lưu hành tiền giấy Hồ Chí Minh...

*Bạc Đông Dương: kẻ thương người ghét,
Bạc Cự Hồ: người nhét kẻ thu,
Ra tay ta chống quân thù,
Dù cho bầy có đốt hết,
Bạc chiến khu lại... chờ về !⁽⁹⁾*

1. Từ “Giấy bạc Việt Nam”...

1.1. “Tiền Tài chính” hay “Tiền Trung ương”

1.1.1. Việc in tiền giấy

Như đã nói ở trên, năm 1946 Hồ Chủ tịch đã ra sắc lệnh phát hành tiền tài chính thường có hàng chữ “*Giấy bạc Việt Nam*”, quốc hiệu nước “*Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa*” và chân dung có hàng chữ “*Chủ tịch Hồ Chí Minh*” mang những hình ảnh chống giặc đốt, chống giặc đói, chống ngoại xâm, liên minh công - nông - binh... Trên tờ giấy bạc, ngoài chữ Việt và chữ Hán, còn có thêm chữ Miên - Lào với chữ ký của Bộ trưởng Bộ Tài chính là Phạm Văn Đồng hoặc Lê Văn Hiến và chữ ký của Giám đốc Ngân khố Trung ương cùng hàng chữ “*Theo sắc lệnh của*

⁽⁸⁾ Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá (2000). *Đồng bạc Tài chính: đồng bạc Cự Hồ (1945-1954)*. Nxb Tài chính. Hà Nội, tr. 14-15; “Modus vivendi Franco-Vietnamien”, tài liệu ký hiệu G5-1010 tại Cục Lưu trữ Quốc gia (Hà Nội), nghĩa là: Ngay sau khi vấn đề điều hòa tiền tệ được giải quyết, trong khi chờ đợi việc thành lập một Viện Phát hành, sẽ chỉ còn lưu hành cùng một thứ tiền duy nhất trong các lãnh thổ dưới quyền cai trị của nước VNDCCH và các lãnh thổ khác của Đông Dương. Tiền ấy là đồng bạc Đông Dương do NHĐD phát hành.

⁽⁹⁾ Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá. Sđd, tr. 119

Chính phủ Việt Nam, kẻ nào làm giả hoặc có hành động phá hoại tờ giấy bạc của Chính phủ, sẽ bị trừng trị theo quân pháp”.

Ở Hà Nội, do Pháp kiểm soát chặt, nên tháng 3 năm 1946, nhà máy in tiền giấy Hồ Chí Minh loại 100 đồng con trâu xanh, chuyển đến đồn điền Chi Nê thuộc xã Cổ Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; ông Nguyễn Âu, lúc đó là Tổng Thư ký Ủy ban Sản xuất Giấy bạc Việt Nam cho biết: “*Đảng ta biết âm mưu của thực dân Pháp là muốn đặt lại nền đô hộ lên đầu lên cổ chúng ta một lần nữa, nên đồng chí Phạm Văn Đồng lúc đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chỉ thị cho chúng tôi phải chuyển cấp tốc vào chiến khu Chi Nê ngay từ tháng 3 năm 1946 trong một đồn điền để in bạc ở đó. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, chiến tranh mở rộng, tháng 2 năm 1947 lại chuyển nhà in từ Chi Nê qua Nho Quan (Ninh Bình cũ), Vụ Bản, Hòa Bình, Chiêm Hóa, Đầm Hồng (Tuyên Quang cũ) và lên tận Bản Thi (Bắc Cạn cũ) trong một mỏ quặng cũ của Pháp...*”⁽¹⁰⁾.

Giấy bạc Việt Nam tuy kỹ thuật in thô sơ, chất liệu xấu nhưng vẫn được nhân dân hoan nghênh đón tiếp, đem tiền NHDD đến đổi với tỉ giá 1:1, nhiều tờ giấy đã rách nát nhưng dân chúng vẫn truyền nhau “- *Còn một sợi râu của Cụ Hồ là còn tiêu được!*”⁽¹¹⁾, hoặc:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Ai tiêu tiền Cụ, là thương nước mình⁽¹²⁾!

Về tiền đúc thì có loại mệnh giá 20 xu, 5 hào, 1 đồng và 2 đồng: xưởng dập tiền đồng được thành lập tại Văn Thánh (Huế), còn ở Hà Nội thì cơ sở dập tiền nhôm dưới nhà bát giác của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (Bác cổ), bằng cách sử dụng lại máy dập tiền Bảo Đại đã thu được⁽¹³⁾. Ngày 11/6/1946, có Sắc lệnh số 103 do Phó Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng ký, “*Cho phép phát hành thứ tiền bằng đồng đúc nặng 12 gam, một mặt có hình Hồ Chủ tịch trên có hàng chữ Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới có hai lá thiên tuế, một mặt có ngôi sao với hàng chữ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và 2 đồng*”; ngày 10/9/1946, có Sắc lệnh số 176 do Phó Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng ký, “*Cho phép phát hành thứ tiền một đồng bằng nhôm nặng 4 gam 70, đường kính 32 ly 40, dày 2 ly, mặt trước có hình Hồ Chủ tịch chụp nghiêng, vòng quanh hình có chữ ‘Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa’, dưới hình có tên nhà điêu khắc Hoàng Như Ngọc viết tắt H. Ngọc bằng chữ rất nhỏ; mặt sau có bông lúa khắc về một bên, và hai chữ ‘1 đồng’ về một bên; chung quanh đồng bạc có răng cưa*”; còn tiền nhôm 20 xu, phát hành theo Nghị định số 76/TC ngày

⁽¹⁰⁾ Nguyễn Âu. “Những ngày in tiền Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”. *40 mùa sen nở*, tr. 159.

⁽¹¹⁾ Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá. *Sổ đ*, tr. 99.

⁽¹²⁾ *40 mùa sen nở*. *Sổ đ*, tr. 121.

⁽¹³⁾ Xem: Trần Huy Bá. “Dập tiền nhôm đầu tiên dưới hầm nhà bát giác”. *40 mùa sen nở*. *Sổ đ*, tr. 135-137.

01/12/1945 và loại 5 hào bằng nhôm, phát hành theo Nghị định số 156/TC ngày 02/01/1946 của Bộ Tài chính.

Ngày 31/11/1946, Quốc hội nước VNDCCH họp kỳ 2, quyết định cho phát hành *Giấy bạc Việt Nam* trên toàn quốc. Từ khi kháng chiến đến ngày 16/4/1947, theo Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Tính ra mỗi tháng sự nhu cầu toàn quốc về quốc phòng, hành chánh, kháng chiến, kinh tế... gần đến 100 triệu đồng, nghĩa là mỗi ngày phải có 3 triệu hơn...*”⁽¹⁴⁾, mà tiền tài chính đã lưu hành rộng rãi khắp các miền đất nước nên ngày 15/5/1947 có Sắc lệnh số 48, “*Chiểu theo Sắc lệnh số 18B ngày 31/1/1946 và số 154 ngày 13/8/1946*”, cho phép “*Những giấy bạc Việt Nam sau này được phép lưu hành trong toàn cõi Việt Nam: 1 đ 00 (một đồng), 5 đ 00 (năm đồng), 10 đ 00 (mười đồng), 20 đ 00 (hai mươi đồng), 50 đ 00 (năm mươi đồng), 100 đ 00 (một trăm đồng), 500 đ 00 (năm trăm đồng)*”.

Qua các sưu tập ta thấy: Mệnh giá 1 đồng gồm 3 mẫu, hai mẫu in ở Trung ương chân dung Bác nhìn thẳng, chỉ khác hình ảnh ở mặt sau, nhưng đều vẽ cảnh người nông dân; một mẫu in ở Trung Bộ chân dung Bác nhìn nghiêng và có hàng chữ “*Chủ tịch Hồ Chí Minh*”⁽¹⁵⁾. Mệnh giá 5 đồng phát hành 2 giai đoạn: 1945-1946 là mẫu in ngang mang hình người công nhân⁽¹⁶⁾; và 1947 là mẫu in dọc mang hình người phụ nữ và em bé ôm bó lúa, nên thường được gọi là “*Tờ mùa gặt*”. Mệnh giá 10 đồng chỉ 1 mẫu, nhưng in ở 2 nơi nên có khác nhau, mẫu in ở Trung Bộ giống mẫu do Trung ương phát hành nhưng ở mặt trước có thêm dòng “*Đại diện Bộ trưởng Tài chính ở Trung Bộ*” cùng chữ ký bằng mực đỏ và họa tiết có giản lược hơn. Mệnh giá 20 đồng gồm 2 mẫu phát hành 2 giai đoạn: năm 1946 là mẫu in hình liên minh nông công thương màu vàng đỏ, và năm 1948 là mẫu in một mặt màu xanh mực, một mặt màu nâu hình công nông⁽¹⁷⁾. Mệnh giá 50 đồng gồm 2 mẫu phát hành 2 giai đoạn: năm 1946 là mẫu nông dân dắt trâu màu xanh mực, và năm 1948 là mẫu in hình liên minh công nông màu xanh rêu⁽¹⁸⁾. Mệnh giá 100 đồng có 3 mẫu phát hành 3 giai đoạn: năm 1946 là mẫu con trâu xanh⁽¹⁹⁾; năm 1947 có

⁽¹⁴⁾ Lê Văn Hiến (1995). *Nhật ký của một bộ trưởng* (2 tập). Nxb Đà Nẵng. T1, tr. 72.

⁽¹⁵⁾ Tham khảo thêm: Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá. *Sổ đ*, hình ảnh ở các tr. 46-52. Ông Trần Quốc Dụ, người Huế, là cán bộ thuộc Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ (1946-1952), hiện đang có sưu tập các mẫu tiền Tài chính in tại Trung Bộ, do vậy, tài liệu do ông viết rất đáng tham khảo.

⁽¹⁶⁾ Họa sĩ Mai Văn Hiến cho biết: “*Chả là chúng tôi được phân công vẽ mẫu giấy bạc cùng một đề tài là hình ảnh một anh công nhân. Nhưng anh Nguyễn Đỗ Cung vẽ mẫu giấy 10 đồng, còn tôi vẽ mẫu giấy 5 đồng*” (Mai Văn Hiến. “*Nhớ lại thời kỳ vẽ tờ giấy bạc đầu tiên*”. 40 mùa sen nở, tr. 142).

⁽¹⁷⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ*. T1, tr. 367, cho biết: “*05/6/1948: Điện cho Tấn, Tài chánh Trung Bộ gửi mẫu giấy bạc 20 đồng mới in ra để xét nếu có thể được sẽ cho phát hành để tránh nạn khan bạc nhỏ*”.

⁽¹⁸⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ*. T1, tr. 314, cho biết: “*29/3/1948: Phát hành tờ bạc 50 đồng mới*”.

⁽¹⁹⁾ Mẫu này do họa sĩ Nguyễn Huyền vẽ, và cho biết: “*Vẽ giấy bạc, chúng tôi nặng về hội họa nhiều, chỉ nghĩ vẽ sao cho đẹp, cho kỹ nét, để không thua kém giấy bạc của Pháp*” (Nguyễn Huyền. “*Vẽ mẫu giấy bạc 100 đồng con trâu xanh*”. 40 mùa sen nở, tr. 139).

màu đỏ⁽²⁰⁾; và năm 1949 là mẫu mặt trước màu xanh đen, nhưng mặt lưng lại có hai loại in màu sắc khác nhau: màu xanh đen hoặc màu đỏ và đều có hàng chữ “*Tích cực chuẩn bị tổng phản công*”. Mệnh giá 500 đồng phát hành năm 1949 mang hình ảnh bắn cháy tàu Pháp trên Sông Lô năm 1947.

Các loại tiền tài chính do Trung ương in này sẽ được phân phối chủ yếu ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Riêng về Trung Bộ, ngày 31/12/1946 được chuyển 16,2 triệu đồng, ngày 21/01/1947 được chuyển 40 triệu và ngày 16/11/1947 được chuyển 100 triệu; rồi ngày 05/02/1948, *Trung Bộ trong lúc gởi tiền vào Nam, bị địch bắt mất 15 triệu*⁽²¹⁾.

Sau đó, để có sự thống nhất trong quản lý tài chính tiền tệ, từ ngày 29/5/1947, tại Bắc Cạn, Bộ Tài chính đã bắt đầu có ý tưởng thành lập Ngân hàng Quốc gia. Sau nhiều ngày bàn bạc, đốc thúc, xúc tiến... từ ngày “23/8/1947: *Từ 9 giờ rưỡi bắt đầu họp cuộc hội nghị để thảo luận về việc thành lập Việt Nam Quốc gia Ngân hàng... Cuộc thảo luận rất tỷ mỉ, đến chiều mới xong một dự thảo lệnh và một nghị định tổ chức... Cho lệnh thành lập một ủy ban phụ trách mua vàng và nhận vàng vào công khổ*...”⁽²²⁾; qua nhiều phiên họp “26/8/1947: *Tiếp tục cuộc Hội nghị Tài chính Kinh tế từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều... Công việc của Bộ Tài chính rồi đây phải thực hiện: Tổ chức Quốc gia Ngân hàng. Tổ chức cơ quan hối đoái. Tổ chức mua vàng, muối. Tổ chức đổi bạc Đông Dương đồng thời bao vây các tỉnh, thành quân Pháp đóng chiếm... Triệu tập hội nghị các Ủy ban Kháng chiến và Hành chính Bắc Bộ để giải thích về vấn đề tiền tệ với cuộc kháng chiến... Giải thích với cán bộ mặt trận và chương trình tự túc và hạn chế ngoại hóa để bảo vệ giá trị tiền Việt Nam*...”⁽²³⁾; và đến “29/8/1947: *Hội nghị các Giám đốc Tài Chính từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều... Thảo sác lệnh và nghị định tổ chức Quốc gia Ngân hàng*...”⁽²⁴⁾. Để rồi “*Chiều theo Quyết nghị của Hội đồng Chính phủ ngày 26 tháng*

⁽²⁰⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 148-149, cho biết: “17/8/1947: ... Cụ Chủ tịch tuyên bố khai hội... Ra tờ bạc 100 đồng mới trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám...”. Tờ 100 màu đỏ này, sau đã bị làm giả rất nhiều, họa sĩ Lê Phả cho biết: “Nhớ lại vào năm 1950, tôi và Sáng vì công tác một thời gian ở Ủy ban Sản xuất Giấy bạc Việt Nam... biết là hiện nay ở Phát Diệm có 5 cơ sở của Việt Nam Quốc dân đảng in bạc giả. Chúng đã tung ra vùng kháng chiến loại giấy bạc 100 đỏ để lũng đoạn tiền tệ... Mấy hôm sau, chúng tôi nhận một gói giấy bạc ‘100 đỏ’ với yêu cầu là họa sĩ phải nghiên cứu và cho kết luận. Một hiện tượng ngược đời là giấy bạc giả thì kỹ thuật in tốt; hình nét sắc, gọn và đều; giấy trắng và tốt hơn; màu tờ bạc rất đều và giống nhau trăm tờ như một. Còn giấy bạc thật thì kỹ thuật in không đều, hình và nét không sắc, gọn, có chỗ mất cả nét, có chỗ mờ nhạt, giấy lại vàng và xấu hơn; mẫu tờ bạc không đều, tờ thì đỏ, tờ khuyết dụ, tờ xăm, tờ nhạt, có chỗ bết lại như đám cứt trâu mất cả nét, có tờ mất cả khóa mặt mã. Chúng tôi đem ngâm vào nước, sau vài giờ, giấy bạc giả vớt ra vẫn cứng nguyên; còn giấy bạc thật vớt lên, lấy tay bóc nhẹ một góc là có thể tách làm đôi được ! Mới nghe tưởng như đùa, nhưng thực tế đúng như vậy...” (Lê Phả. “Con đường dẫn tôi đến vẽ giấy bạc ở chiến khu Việt Bắc”. 40 mùa sen nở, tr. 146-147).

⁽²¹⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, xem nội dung các ngày tương ứng ở các tr. 8, 19, 209, 269.

⁽²²⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 154.

⁽²³⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 156.

⁽²⁴⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 157.

11 năm 1945 về việc phát hành giấy bạc Việt Nam; Chiếu theo Quyết nghị của Hội đồng Chính phủ ngày 12 tháng 9 năm 1947, sau khi Ban Thường trực Quốc hội đã thỏa thuận”, ngày 17/9/1947, ra Sắc lệnh số 86, “Nay thiết lập một ngân hàng của Quốc gia gọi là Việt Nam Quốc gia Ngân hàng. Việt Nam Quốc gia Ngân hàng có độc quyền phát hành giấy bạc...”. Tuy nhiên, do nhiều điều kiện khách quan, lại chiến sự khắp nơi làm việc liên lạc giữa các địa phương và Trung ương gặp nhiều trở ngại nên ngân hàng này chưa hoạt động theo đúng chức năng được...

Để tạo dân chúng có tiền mệnh giá nhỏ, dễ dàng sử dụng tiền Việt Nam, “Xét nhu cầu về tiền tệ, Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Sau khi Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính phủ đã thỏa hiệp”, ngày 02/5/1948, ra Sắc lệnh số 181/SL “Nay cho phép phát hành và lưu hành trong toàn cõi Việt Nam, hào giấy loại năm hào (0đ50) và hai hào (0đ20)... Quốc khổ và tư nhân bắt buộc phải nhận hào giấy...”. Mệnh giá 2 hào có 2 mẫu hình khác nhau: loại in tại Trung Bộ có hàng chữ “Giấy bạc Việt Nam”, còn mẫu in tại Trung ương không có hàng chữ này. Mệnh giá 5 hào chỉ có 1 mẫu hình, nhưng in ở Trung ương thì in serie số trực tiếp trên tiền, còn mẫu in ở Trung Bộ thì không có số, sau đó chuyển ra Trung ương đóng thêm số serie màu đỏ.

Do nhu cầu sử dụng tiền tệ, ngày 15/3/1950, có thêm Sắc lệnh số 37/SL “Nay cho phép phát hành và lưu hành trong toàn cõi Việt Nam giấy bạc Việt Nam loại Hai trăm đồng (200đ)”... mang hình ảnh và dòng chữ “Bảo vệ mùa màng”.

Việc in và phát hành tiền giấy Việt Nam, “...suốt trong thời gian từ năm 1945 ở Hà Nội, từ năm 1946 đến đầu năm 1951 là năm không in tiền ở trong nước nữa, dù ở chiến khu II, chiến khu X hay ở căn cứ địa Trung ương (ATK) ở Việt Bắc, dù là tờ bạc nào, loại bạc nào 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100, 200 rồi 500 đồng, dù in bằng giấy si-mi-li trắng, giấy dó, giấy giang... dù phát hành thời gian nào, thời kỳ nào, những tờ bạc phát ra không tờ bạc nào trùng số nhau và có luật mã (code) riêng cho từng loại, từng tờ bạc phát ra”⁽²⁵⁾. “Nội dung các tờ bạc, chủ đề sản xuất và chiến đấu chi phối toàn diện với 3 hình tượng quen thuộc: công nhân, nông dân và anh vệ quốc quân. ‘Thực túc binh cường’, ‘ăn no đánh thắng’, ‘tay búa tay súng’, ‘tay cày tay súng’, ‘hậu phương thi đua với tiền phương’. Những khẩu hiệu này được thể hiện rõ và có linh hồn trong các tờ bạc: 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 200 đồng và 500 đồng. Hình ảnh anh vệ quốc chẳng ai khác ngoài anh nông dân mặc áo lính... Tờ bạc ‘100 đ’ in năm 1949 có hình vẽ 1 công nhân tay búa tay súng, 1 nông dân tay cầm cuốc vai vác súng, phía dưới 2 người là dòng chữ ‘TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔNG FẢN CÔNG’. Tờ bạc 200 đồng vẽ một bên là quân dân luyện tập quân sự, một bên là cảnh đang gặt và gánh

⁽²⁵⁾ Nguyễn Âu. “Bài đã dẫn”, tr. 158.

lúa, giữa có dòng chữ ‘BẢO VỆ MÙA MÀNG’. Trên tờ bạc 500 đồng là cảnh bộ đội bắn cháy tàu Pháp trên sông Lô năm 1947 khi giặc Pháp liều lĩnh đánh lên Việt Bắc. Hồi đó, ngay cả những nơi tạm thời bị chiếm đóng, có những cụ già đã cất giấu tờ bạc, thỉnh thoảng lại mở ra ngắm hình Bác trong đó, để tỏ lòng hướng về kháng chiến, về Đảng tiền phong và về Bác. Các cụ động viên con cháu mình giúp đỡ kháng chiến, tham gia kháng chiến, tòng quân giết giặc. Nhân dân gọi anh vệ quốc quân là ‘anh bộ đội Cụ Hồ’, gọi giấy bạc Việt Nam là ‘giấy bạc Cụ Hồ’. ‘Giấy bạc Cụ Hồ’ thì lành rách kể gì, ‘còn cái râu Cụ Hồ cũng tiêu’, họ nói như thế và đã làm như thế. Nghe sao mà thân thương và trong sáng đến thế! Tôi muốn nhắc lại có ‘hàm kim lượng’ nào so sánh được chăng !”⁽²⁶⁾. “Đã qua mấy thập kỷ rồi, ngày nay xem lại những tờ bạc in trong kháng chiến, tôi cảm thấy nó thô sơ quá, nhưng càng suy ngẫm càng thấy tự hào. Chưa kể đến các chức năng làm thước đo giá trị, làm phương tiện lưu thông của nó, chỉ nói riêng về giá trị tinh thần của nó cũng hầu như không có ‘hàm kim lượng’ nào sánh kịp !”⁽²⁷⁾.

Ngoài in tiền cho nhân dân ta sử dụng, nhà máy in tiền của nước ta ở Việt Bắc còn in tiền giúp cho Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc: “Giữa năm 1949, khi Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc chưa có khả năng in tiền để chi tiêu trong vùng mới giải phóng, Việt Nam đã dùng nhà máy in tiền ở Việt Bắc in 510 triệu đồng tiền Giải phóng gửi sang giúp Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc để giải quyết những nhu cầu về quân nhu. Ngày 13/7/1949, tổng số tiền trên đã được giao đủ cho phía Trung Quốc theo yêu cầu”⁽²⁸⁾, gồm 2 mệnh giá “壹元 Nhất nguyên” và “伍圓 Ngũ viên”, để sử dụng ở Vân Nam, Quý Châu và Quảng Tây (Trung Quốc) và các nước sát biên giới như Việt Nam...

1.1.2. Công tác dân vận

Một trong những vấn đề quan trọng để việc lưu hành đồng bạc Cụ Hồ được thông suốt, tức làm người dân yên tâm sử dụng; đồng thời huy động sự giúp đỡ nguồn vốn của dân...

Bộ Tài chính đã có những phương án tuyên truyền bằng các hình thức nói chuyện trực tiếp như ở Bắc Cạn, ngày “07/8/1947... Tối nay, dự cuộc hội nghị với Đoàn Thanh niên Việt Nam để giải thích sự chiến đấu bằng tiền tệ giữa ta và Pháp. Chương trình buổi nói chuyện: I. TỜ BẠC ĐỒNG DƯƠNG: a, Lịch sử phát hành: Số phát hành trước và sau chiến tranh. Số vàng đảm bảo. b, Giá trị hiện tại của

⁽²⁶⁾ Lê Phả. “Bài đã dẫn”, tr. 148-149. Trong hồi ký này, tác giả nhắc đến tờ “100 đồng” in năm 1949 có dòng chữ “Tích cực chuẩn bị tổng phản công”, chính là loại mặt trước màu xanh đen, nhưng mặt lưng lại màu đỏ; chứ không phải là loại “100 đồng đỏ” in năm 1947 có hai mặt đều màu nâu đỏ thường bị làm giả.

⁽²⁷⁾ Lê Phả. “Bài đã dẫn”, tr. 148.

⁽²⁸⁾ Mai Ngọc Phát. “Tiền biên khu Trung Quốc in bằng giấy in tiền Việt Nam”. *Vietnam Numismatics*. Số 1 (Tháng 10/2017), tr. 23-25.

tờ Đông Dương (sự lạm phát). c, Mưu mô mà Pháp để giữ giá: Thâu hồi giấy 500 đồng (650.000). Chỉ huy hồi đoái. Đánh đổ tờ bạc Việt Nam: phản tuyên truyền, bán ngoại hóa. II. TỜ BẠC VIỆT NAM: Quyền phát hành giấy bạc. Đảm bảo về tinh thần, vật chất. Lợi khí của cuộc kháng chiến. Lợi hại của tờ bạc đối với nền kinh tế và kiến thiết. III. NGUY CƠ CỦA TỜ BẠC ĐÔNG DƯƠNG SAU KHI TỜ BẠC VIỆT NAM RA ĐỔI: Thanh toán số bạc Đông Dương 3200 triệu đồng. Tiền tiêu của bọn thống trị thực dân. Tiền vốn để kinh doanh. IV. MUU CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỂ ĐÁNH ĐỔ TỜ BẠC VIỆT NAM: Bao vây các bến cảng. Ra bạc mới. Bán hàng ngoại quốc. Điều kiện ở Modus Virendic⁽²⁹⁾. V. SỰ ĐỐI PHÓ CỦA TA ĐỂ GIỮ VỮNG TỜ BẠC VIỆT NAM: Tăng gia sản xuất để đi đến tự cung tự túc. Xúc tiến việc xuất cảng tài nguyên và thổ sản. Tiêu hủy triệt để tài nguyên và thổ sản của Pháp. Hạn chế hàng hóa ngoại hóa... Cuộc nói chuyện đến 10 giờ mới xong”⁽³⁰⁾. Hoặc qua kênh báo chí cách mạng như ngày “09/7/1948... thảo luận kế hoạch tuyên truyền giải thích... các vấn đề: Tranh đấu để thủ tiêu tờ bạc Đông Dương. Ủng hộ tờ bạc Việt Nam”⁽³¹⁾.

Về việc huy động của cải dân đóng góp vào công cuộc trường kỳ kháng chiến, ý tưởng bắt đầu ngày “12/02/1947: Tại Sơn Tây. Hội nghị Hành chánh toàn quốc... Thảo luận việc đề công trái kháng chiến (thóc làm đơn vị)”. Sau nhiều cuộc hội nghị thảo luận vào các ngày 17/4/1947, ngày “22/7/1947... có sắc lệnh cho Nam Bộ phát hành công trái 5 triệu đồng”. Rồi hội nghị ngày 28/01/1948 tại Tuyên Quang, hội nghị ngày 19/3/1948... cuối cùng, ngày “14/4/1948: Hội đồng Chính phủ... duyệt ý kiến công phiếu kháng chiến”⁽³²⁾.

1.1.3. Những giải pháp trong quá trình đấu tranh tiền tệ với Pháp

Khi Pháp tuyên bố hủy bỏ tờ bạc giấy 100 đồng Đông Dương được in trong thời kỳ Nhật chiếm, đó là một hình thức cướp tài sản của dân ta, Chính phủ đã có nhiều cuộc họp, như ngày “03/11/1947... Kỳ hội đồng này... Vấn đề phải thảo luận lâu dài nhất là kế hoạch đối phó với sự thu hồi giấy bạc 100 của Pháp...”⁽³³⁾; Bộ Tài chính đã trình ra 3 giải pháp: “a, Đình chỉ lưu hành thứ bạc giấy ấy... b, Lấy bạc Việt Nam đổi cho dân để thu giấy bạc Đông Dương... c, Ra lệnh cho dân tiếp tục được phép lưu hành tờ bạc ấy và nó vẫn còn giá trị... Cân nhắc sự lợi hại của 3 phương pháp trên, ta chỉ còn chần chừ mà áp dụng phương pháp thứ 3, đồng thời với sự kiểm soát rất chặt chẽ chung quanh vùng Pháp chiếm đóng để ngăn

⁽²⁹⁾ Ở đây, chúng tôi trích dẫn nguyên văn, “Modus Virendic” có lẽ là “Modus vivendi Franco-Vietnamien”, tức Tạm ước Pháp Việt ngày 14/9/1946; xem thêm chú thích số 8.

⁽³⁰⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 144-145.

⁽³¹⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 383.

⁽³²⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, xem nội dung các ngày tương ứng ở các tr. 34, 72, 135, 261-265, 301, và 326.

⁽³³⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 203.

cần một phần nào số thực phẩm và vàng của ta chạy vào trong đó do bọn con buôn hoặc Việt gian”⁽³⁴⁾.

Và giải pháp thứ 3, được cụ thể hóa như sau: “09/01/1948: ... Cùng với văn phòng thảo đề án ra Hội đồng Chính phủ về sự đối phó với Pháp về vấn đề tờ bạc Đông Dương. Bộ Tài chính đề nghị một phương pháp đối phó có tính cách mềm dẻo để dân khỏi hoang mang, mà về phương diện thi hành cũng bớt khó khăn. 1, Tuyên bố tờ bạc Đông Dương phát hành trước ngày Chánh phủ Việt Nam thành lập vẫn có giá trị cho đến khi nhà Đông Dương Ngân hàng thanh toán vì đó là khế nợ của nhà băng này đối với dân Việt Nam. Về phương diện pháp lý: a, Sắc lệnh ngày 05/4/1946 khoản I ‘các giấy bạc phát hành sau ngày 06/3/1946 sẽ không được lưu hành trong toàn cõi Việt Nam nếu không được Chánh phủ Việt Nam thừa nhận’. Sau đó có nghị định của Bộ Tài chính ấn định rõ những loại giấy nào được lưu hành trong đó có tờ bạc 100 đồng Đông Dương cũ. b, Tất cả luật lệ của Chánh phủ Pháp (nếu không được Chánh phủ Việt Nam thừa nhận) sau ngày Chánh phủ Việt Nam thành lập đều vô giá trị đối với dân Việt Nam. Như thế, tờ thông tri của thực dân Pháp hủy bỏ giá trị của tờ bạc Đông Dương không thể có giá trị đối với dân Việt Nam. Nhà băng Đông Dương là một cơ quan tư đã dùng tờ bạc mình phát hành mà mua hàng hóa, vàng bạc, và dùng nhân công của dân Việt Nam để sinh lợi. Người mắc nợ không thể dùng một thông tri mà hủy bỏ món nợ một cách dễ dàng. Huống nữa, trong lúc hai bên đương chiến tranh, trước tình thế bất khả địch, dân chúng Việt Nam nếu không đối được cũng có quyền giữ số nợ ấy cho đến khi nhà băng thanh toán. 2, Ra lệnh tạm đình chỉ sự lưu hành. Số bạc của Pháp phát hành từ trước đến nay đã trên 3.200.000.000 triệu⁽³⁵⁾, nhưng số bạc này nằm trong ta dân chúng Đông Dương. Nay thực dân Pháp muốn chi tiêu ở xứ này, có 3 cách: a, Thu thuế dân chúng, nhưng việc này trong lúc kháng chiến không phải dễ, và cũng chẳng đủ gì. b, In bạc mới phát hành. Số bạc này bị ta cầm chi, Pháp chi tiêu trong khu vực mình, chẳng được bao lăm. Nhưng tiêu trong vùng ấy, dân chúng lại mua hàng ngoại quốc, Pháp lại phải trả bằng Devises⁽³⁶⁾ thì cũng chẳng lợi gì. Cốt yếu là dùng nhân công của ta để kinh doanh, nhưng lúc này không thể làm gì được. c, In loại giấy bạc cũ để tiêu, nhưng việc này đối với nhà băng Đông Dương, một cơ quan tư thay mặt cho quyền lợi một số người chúng không dám làm. Vì 3 điều này không thi hành được, nên Pháp muốn có tiền tiêu phải dùng phương pháp hủy bỏ số bạc Đông Dương cũ để tìm cách lưu hành tờ bạc mới và cũng để thu lại một

⁽³⁴⁾ Lê Văn Hiến. Sđd. T1, tr. 240-242.

⁽³⁵⁾ Ở đây, chúng tôi trích dẫn nguyên văn, “3.200.000.000 triệu” tức là 3 triệu 2 trăm nghìn tỉ đồng bạc Đông Dương.

⁽³⁶⁾ Ở đây, chúng tôi trích dẫn nguyên văn, “Devises” tiếng Pháp cũng có nghĩa là tiền tệ; trong bối cảnh này có lẽ nghĩa là ngoại hối ?

số giấy bạc cũ để tiêu. Như thế trong khu vực chúng chiếm đóng, chúng tiêu giấy mới, trong khu ta, chúng tiêu bạc Đông Dương cũ. Vì các lý do trên, phải ra lệnh tạm đình chỉ lưu hành để tích cực ngăn ngừa mưu mô của thực dân Pháp, điều này cần giải thích rõ cho dân. 3, Ra lệnh cho dân kê khai số bạc Đông Dương 100 hiện có để Chánh phủ tìm cách bảo vệ quyền lợi của dân. Phương pháp thi hành kế hoạch trên: a, Kỳ hạn 1 tháng dân phải kê khai số bạc Đông Dương hiện có. b, Ra lệnh công an theo dõi bọn đầu cơ đổi bạc Đông Dương đem đi đâu. c, Dùng bạc Việt Nam, dự trữ sẵn để đổi cho dân chúng, nhất là hạng có số ít cần thiết để sống hàng ngày. d, Dùng tín phiếu lưu hành để thu lại số bạc Đông Dương, nhưng tín phiếu này không có lãi như các tín phiếu mua với bạc Việt Nam. e, Chánh phủ tìm cách tung số giấy bạc này Đông Dương cũ vào khu Pháp (điều này lợi cho ta mà cũng lợi cho Pháp vì chúng thân hành được chánh sách De Flation). f, Bí mật tổ chức đổi để nâng cao giá tờ bạc Việt Nam (vì sau lệnh đình chỉ lưu hành tờ bạc 100, sẽ bớt một số giấy bạc lớn trong dân chúng) ”⁽³⁷⁾.

Sau nhiều giải pháp tạm thời: “20/3/1948: Điện cho Tài chánh Trung Bộ tập trung giấy bạc Đông Dương 100 IDEO để đưa ra Bắc tiêu thụ cho hết trước khi tuyên bố đình chỉ lưu hành”⁽³⁸⁾, ngày “09/4/1948: ... phải khai Hội nghị Tài chánh Kinh tế để giải quyết các vấn đề cấp tốc...”⁽³⁹⁾, đến ngày “14/4/1948: Hội đồng Chính phủ tiếp tục. Hồ Chủ tịch vẫn mệt và nằm, không dự được... Hội đồng chuẩn y đề nghị của Bộ Tài chánh về việc đối phó với tờ bạc Đông Dương...”⁽⁴⁰⁾.

Cuối cùng, với mục đích nhanh chóng đẩy lui tiền tệ do Pháp phát hành, ngày 30/4/1948, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 180/SL, tuyên bố “Kể từ ngày Sắc lệnh này được công bố, các loại giấy bạc Đông Dương do Đông Dương Ngân hàng phát hành, sẽ coi là không có giá trị trong toàn cõi Việt Nam”. Và để pháp lý hóa được đầy đủ, ngày 20/8/1948, có Sắc lệnh số 217/SL bổ sung: “Điều III của Sắc lệnh số 180/SL ngày 30 tháng 4 năm 1948 nay thêm một khoản sau này: ‘Trong những trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thể cho phép các cơ quan Chính phủ lưu hành và tàng trữ giấy bạc Đông Dương’.”.

Ở Nam Bộ, đã vận dụng phương pháp “Việt Nam hóa” tiền Đông Dương bằng cách đóng dấu cách mạng lên tờ tiền để sử dụng: “18/10/1948: ... nghiên cứu báo cáo của Nam Bộ về tài chánh kinh tế. Sau khi cân nhắc kỹ càng, điện vào cho UBKCHC và Tài chánh Nam Bộ: ... Đối các loại bạc Đông Dương còn dùng được. Mua vàng. Tiếp tế cho Nam Trung Bộ. 4, Đề phòng địch thu hồi các loại giấy bạc Đông Dương thay giấy mới... 6, Không dùng bạc Việt Nam để đổi bạc Đông

⁽³⁷⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 248-249.

⁽³⁸⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 303.

⁽³⁹⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 324.

⁽⁴⁰⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. T1, tr. 326.

Dương IDEO. Điện này sẽ giúp anh em Nam Bộ giải quyết vài việc khó khăn về tài chánh và tiền tệ. Tại Nam Bộ, thực dân Pháp đã dùng mưu mô rất xảo quyết để cướp nợ của dân Việt Nam. Vì tình thế, UBKCHC Nam Bộ đã bị ép thi hành chánh sách đối phó lại bằng cách đóng dấu estampillage⁽⁴¹⁾ nhưng chỉ làm lợi cho bọn tài phiệt Pháp. Chúng đã thu hồi toàn số bạc giấy cũ... ”⁽⁴²⁾.

1.1.4. Đúc tiền vàng

Ngày 28/01/1948, Hội nghị Tài chính ở Tuyên Quang; sau khi nêu “*Cuộc tấn công của Pháp trong mùa thu đông [như] phá hoại cơ quan in bạc [của ta], thu hồi tờ bạc Đông Dương cũ, phá hủy tờ bạc Việt Nam, [ở] Trung Bộ ra nghị định cấm [dùng tiền Việt Nam], tổ chức tuần lễ thủ tiêu giấy bạc Việt Nam ở Huế, [cho] lưu hành giấy bạc mới [của Pháp]... [thì một trong] nhiệm vụ chung [của ta là]... Thành lập đồng vàng Việt Nam*”⁽⁴³⁾.

Vụ việc này, được Bộ Tài chính trần trở, đốc thúc... như ngày “20/3/1948: Điện cho Hoàng Văn Chí báo ra bộ giải quyết việc dập đồng ‘Việt’... Nguyễn Văn Danh, Giám đốc Nhà đúc tiền cùng với Ngọc chuyên môn về việc đúc tiền, hôm nay đem mẫu đồng ‘Việt’ đến. Cùng với các anh em này nghiên cứu giá trị đồng Việt. Theo kiểu vẽ và hình thể đã ấn định, tính số vàng vào khoảng trên 7 g, nghĩa là trên 2 chỉ. Do đó, định lấy đồng này giá trị 20 Việt tức là 1 Việt vào khoảng 0,335g đúng với 1 phân ta. Như thế, một Việt trị giá đúng 1 phân vàng. Quyết định cho dập đồng 20 Việt số vàng vào khoảng 2 chỉ. Đối với đồng dollar Mỹ 1/500 thành ra 4 Việt ăn 1 Mỹ kim”⁽⁴⁴⁾.

Từ ngày 12/4/1948 đến 14/4/1948, Hội đồng Chính phủ họp ở Việt Bắc và “*xem qua các kiểu đồng Việt*”; để rồi ngày 04/7/1948, Bộ trưởng Bộ Tài chính “*Lên đường đi Hội đồng Chính phủ... [với bản thảo] Sắc lệnh ra đồng ‘Việt’...*”⁽⁴⁵⁾; và ngày 08/7/1948, có Sắc lệnh số 199/SL do Hồ Chủ tịch ký: “*Đơn vị tiền tệ Việt Nam là đồng ‘Việt’. Đồng ‘Việt’ là một đồng vàng cân nặng 0g,375 vàng nguyên chất*”.

Việc đúc ra đồng tiền bằng vàng, sẽ có mục đích sẽ nâng cao giá trị của tiền Việt Nam, và sẽ được người dân trong nước cũng như quốc tế tín nhiệm hơn, cho nên ngày “05/9/1948: ... *Trả lời cho Đồng*⁽⁴⁶⁾ *Khu V về đồng ‘Việt’. Có nhiều nơi vẫn*

⁽⁴¹⁾ Ở đây, chúng tôi trích dẫn nguyên văn, có lẽ là chữ “estampillage” tiếng Pháp có nghĩa là dập; trong bối cảnh lịch sử này, có nghĩa là ta đã lấy tiền của NHDD rồi đóng dấu cách mạng lên tờ tiền để sử dụng, gọi là tiền “Việt Nam hóa”.

⁽⁴²⁾ Lê Văn Hiến. *Sơ đ.* T1, tr. 444-445.

⁽⁴³⁾ Lê Văn Hiến. *Sơ đ.* T1, tr. 263-265.

⁽⁴⁴⁾ Lê Văn Hiến. *Sơ đ.* T1, tr. 303-304.

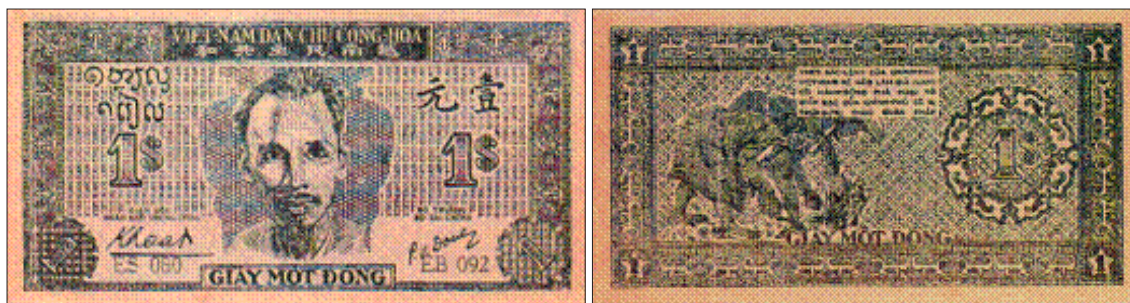
⁽⁴⁵⁾ Lê Văn Hiến. *Sơ đ.* T1, xem nội dung các ngày tương ứng ở các tr. 326, 381-382.

⁽⁴⁶⁾ Tức ông Phạm Văn Đồng, lúc đó là Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, vì ông Đồng nhỏ hơn ông Lê Văn Hiến 2 tuổi, nên trong nhật ký, ông Hiến thường gọi ông Đồng bằng tên

chưa hiểu chủ trương của Chính phủ khi ra sắc lệnh đồng Việt”⁽⁴⁷⁾... Và đã bắt đầu tiến hành ngày “13/9/1948: Danh, Giám đốc Sở Đúc tiền hôm nay đưa về mấy đồng tiền vàng mới dập được, một thứ 20 Việt, một thứ 50 Việt và một thứ 10 Việt. Chưa được hoàn mỹ lắm, cho đi sửa lại, nhất là hình của Hồ Chủ tịch không giống và chữ khắc không được sắc sảo lắm. Đồng tiền vàng, đơn vị tiền tệ đầu tiên của nước Việt Nam. Xem cũng khoái mắt. Cho sửa chữa lại thật đẹp, sẽ đưa ra Chính phủ”⁽⁴⁸⁾...

1.1.5. In giả tiền Đông Dương

Ngoài việc in *Giấy bạc Việt Nam* ra, từ năm 1950, Cơ quan Ấn loát Tài chính Liên khu 4 phối hợp với Bộ Công an và Khu ủy 4 tổ chức tại Hà Tĩnh một cơ sở in giả tiền giấy Đông Dương của Pháp. Sau đó, các loại tiền Đông Dương giả này được chuyển đến các Liên khu 2-3-4-5 và Nam Bộ để sử dụng, mãi đến 3 năm sau mới bị Pháp phát hiện⁽⁴⁹⁾.



Tiền tài chính Trung ương 1 đồng.



Tiền tài chính Trung ương 20 đồng.

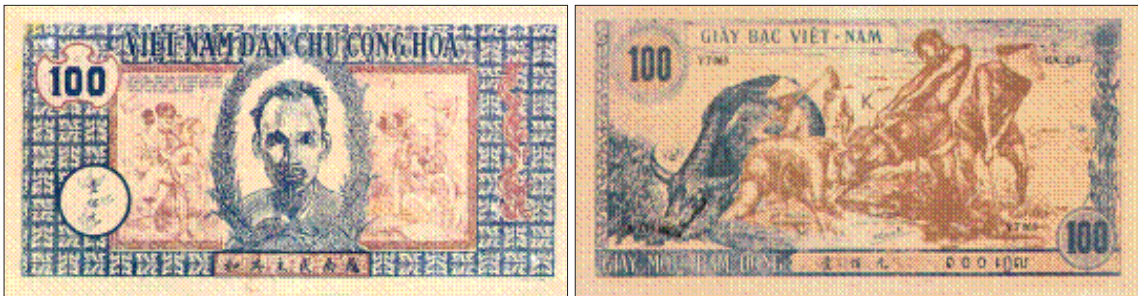
⁽⁴⁷⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 412.

⁽⁴⁸⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 424.

⁽⁴⁹⁾ Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá. *Sổ đ.*, tr. 42-43.



Tiền tài chính Trung ương 50 đồng.



Tiền tài chính Trung ương 100 đồng hình trâu xanh.



Tiền tài chính Trung ương 500 đồng chiến thắng Sông Lô.

1.2. Giấy bạc/ Tín phiếu Trung Bộ

Ở Bắc Trung Bộ, đến 12/1946, do chiến tranh Pháp - Việt bùng nổ, Sở Ấn loát Tài chính Trung Bộ chuyển ra Hiền Sĩ (Phong Điền, Thừa Thiên Huế), và sau đó lại chuyển ra đến Hà Tĩnh (Liên khu 4). Cơ sở này chủ yếu in giấy bạc Việt Nam theo mẫu của Trung ương quy định. Và từ ngày “20/01/1947: Ủy cho Tấn thay mặt ở Trung Bộ và kiểm soát công việc các sở thuế quan, ngân khố để liên lạc với Trung ương. Gởi bạc vào Trung Bộ thứ cắt rồi, thứ chưa cắt. Gởi ra 50 kg vàng”⁽⁵⁰⁾.

Ở Nam Trung Bộ (Liên khu 5), “Xét tình thế hiện thời, theo lời đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, sau khi Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính

⁽⁵⁰⁾ Lê Văn Hiến. *Sơ đ. T1*, tr. 16. “Tấn”, tức là Nguyễn Văn Tấn. Giám đốc Nha Tài chính Trung Bộ.

phủ đã thỏa thuận” ra Sắc lệnh số 231/SL, ngày 18/7/1947 “cho phép phát hành tại Nam phần Trung Bộ những ‘Tín phiếu’ sau này có giá trị như giấy bạc Việt Nam: Tín phiếu: 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng. Những ‘Tín phiếu’ kể trên sẽ chiếu nguyên giá đổi lấy giấy bạc Việt Nam. Tổng số giá trị những ‘Tín phiếu’ được phát hành theo Điều 1 Sắc lệnh này không được quá Một trăm triệu. Những ‘Tín phiếu’ ấy được phép lưu hành như giấy bạc Việt Nam”.

Các loại Tín phiếu này ghi quốc hiệu VNDCCH và hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, do nhóm họa sĩ Hoàng Kiệt vẽ, nhưng có hai chữ ký: Phạm Văn Đồng ký “Đại diện Chính phủ Trung ương” và một chữ ký của “Đại diện Ủy ban Hành chánh Trung bộ” do ông Nguyễn Duy Trinh, Chủ tịch Ủy ban ký. Đầu tiên in tín phiếu mệnh giá lớn là 500 đồng, sau đó in thêm các loại 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng với hình thức tương tự “*Giấy bạc Việt Nam*” nhưng được thay bằng chữ “*Tín phiếu*”. Riêng mệnh giá 10 đồng, mặc dù sắc lệnh cho phép in tín phiếu 10 đồng, nhưng ở Trung Bộ không in Tín phiếu, mà in “*Giấy mười đồng*” như mẫu của Trung ương, chỉ khác ở mặt trước là có chữ ký “*Đại diện Bộ trưởng Tài chính ở Trung Bộ*” và giản lược các họa tiết như đã nói trên; ngoài ra, còn có thêm cả bản mẫu “*in kiểu*” Tín phiếu mệnh giá 1000 đồng. Nhà in tín phiếu này được đặt tại thôn Xà Nai, xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, và một bộ phận ở 2 huyện An Lão, Hoài Ân tỉnh Bình Định; trong khoảng thời gian từ năm 1947 đến 1954 đã phát ra 43.764.519.262 đồng⁽⁵¹⁾ tín phiếu.

Trên tờ Tín phiếu chỉ có chữ Việt và chữ Hán, nên ngày “05/9/1947: *Chuẩn bị chương trình nghị sự và tài liệu để họp... Hội đồng Chính phủ và liên bộ chỉ huy kháng chiến... Bộ Tài chánh có những vấn đề này: Trung Bộ đề nghị thêm chữ Lào vào giấy bạc Việt Nam*”⁽⁵²⁾, nhưng có lẽ ý kiến này không được thông qua.

Theo một nghiên cứu sâu về hệ thống tín phiếu này⁽⁵³⁾, không kể chất liệu giấy in nhiều đợt khác nhau, mực in có lúc đậm lúc nhạt, cũng không kể các sai biệt chi tiết nhỏ, có thể tóm tắt gồm các loại hình vẽ cơ bản sau:

1.2.1. Mệnh giá 1 đồng: chỉ có 1 mẫu, vẽ người *nông dân* cày trâu đôi, nhưng in thành 2 màu khác nhau: màu đỏ hoặc màu xanh rêu, vì in nhiều đợt và vẽ tay nên viền chân dung Cụ Hồ có khi chỉ 1 vòng tròn, có khi 2-3 vòng tròn bao quanh...

⁽⁵¹⁾ Số liệu theo: Nguyễn Thị Huyền (2009). “Tìm hiểu những giá trị lịch sử văn hóa tiền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn (1945-1975)”. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, tr. 40. Lê Việt Cường, Đào Minh Tú, Ngô Quang Lương, Nguyễn Mạnh Tùng (2011). *Tiền Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin. Hà Nội, tr. 54, làm tròn số liệu là 43.764 triệu đồng.

⁽⁵²⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. T1*, tr. 164. Giấy bạc Việt Nam in từ mẫu đầu tiên đã có chữ Lào, do vậy có lẽ ở đây muốn nói đến thêm chữ Lào trên Tín phiếu.

⁽⁵³⁾ Xin xem: Mai Ngọc Phát. “Tín phiếu Trung Bộ (1947-1954)”. *Vietnam Numismatics*, đăng 3 kỳ trong Tập 2 (Tháng 01/2018), Tập 4 (Tháng 7/2018), Tập 6 (Tháng 12/2019).

1.2.2. Mệnh giá 5 đồng: có 2 mẫu vẽ khác nhau ở chân dung Bác có viền hoặc không có viền bông lúa. Mẫu có viền in 2 màu khác nhau: màu đỏ xẫm hoặc màu xanh dương. Mẫu không có viền, một mặt in màu xanh, mặt có chân dung Bác khi in màu xanh, khi in màu đỏ. Như vậy tổng cộng là 4 loại.

1.2.3. Mệnh giá 20 đồng: Mặt ghi mệnh giá in màu gạch nâu; mặt kia in chân dung Bác, có 2 màu khác nhau: Đợt phát hành năm 1947, in màu gạch nâu. Đợt phát hành tháng 6/1950, in màu xanh rêu.

1.2.4. Mệnh giá 50 đồng: có 2 mẫu vẽ khác nhau:

- Loại 1: phát hành từ năm 1947-1951, mặt có chân dung Bác in màu gạch nâu hoặc màu tím, mặt kia hình con thuyền Việt Nam lướt sóng in màu xanh rêu hoặc tím. Tuy nhiên, loại này có đóng dấu của Ủy ban Hành chính Bình Thuận cùng chữ ký ông Phạm Ngọc Cân (ở vị trí Đại diện UBHC Trung Bộ trên tờ giấy tiền), hoặc dấu của Ủy ban Hành chính huyện Hàm Tân tỉnh Bình Thuận cùng chữ ký ông Vũ Thanh Tùng...

“Ngày 05/11/1951, UBKCHC tỉnh Phú Yên gửi công văn số 12965/PV/TC cho UBKCHC miền Nam Trung Bộ về việc ‘Có nhiều tín phiếu 50 đồng đóng dấu tỉnh Bình Thuận với chữ ký của ông Phạm Ngọc Cân lưu hành trong tỉnh’. Sau khi kiểm tra, ngày 06/11/1951, UBKCHC miền Nam Trung Bộ ra Quyết định số 1566 với nội dung: Tín phiếu ấn hành ở Bình Thuận có dấu tỉnh Bình Thuận và chữ ký ông Phạm Ngọc Cân, không có giá trị ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên. Người trong các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên có loại tín phiếu trên, có thể dùng để nộp thuế hoặc đổi lấy tín phiếu do Trung Bộ phát hành. Hạn cuối cùng 31/12/1951. Từ 01/01/1952, loại tín phiếu trên không có giá trị trong các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, ai tiêu dùng sẽ bị trừng trị”⁽⁵⁴⁾.

- Loại 2: phát hành năm 1951, in màu nâu, một mặt in chân dung Bác nhìn hơi nghiêng về phía bên phải, mặt sau hình công - nông - binh.

1.2.5. Mệnh giá 100 đồng: gồm 4 loại

- Loại 1: in tháng 6 năm 1947, mặt trước màu nâu in hoa văn và số 100, mặt sau màu đà in chân dung Bác trong hình chữ nhật ở góc trên phải.

- Loại 2: in năm 1948-1949, mặt trước màu xanh mực cảnh công nông trong khung chữ nhật bên phải cùng chân dung Bác trong viền bông lúa hình tròn bên phải, mặt sau màu nâu hình công nhân và binh sĩ giữa ngôi sao tỏa sáng.

⁽⁵⁴⁾ Mai Ngọc Phát. “Tín phiếu Trung Bộ (1947-1954)”. *Vietnam Numismatics*. Tập 4, tr. 51-52.

- Loại 3: in tháng 6 năm 1950, mặt trước màu vàng đà cảnh nông dân làm ruộng bên phải cùng chân dung Bác trong hình tròn bên phải, mặt sau màu vàng và xanh rêu hình công nhân và binh sĩ.

- Loại 4: in tháng 8 năm 1951, mặt trước chân dung Bác bên trái màu nâu, mặt sau hình công - nông - binh màu xanh.

1.2.6. *Mệnh giá 500 đồng*: in tháng 10 năm 1951 một màu xanh rêu, mặt trước chân dung Bác và công nông đang lao động, mặt sau hình quân và dân đang chiến đấu.

1.2.7. *Mệnh giá 1000 đồng*: in tháng 8 năm 1952. Mặt trước màu nâu in chân dung Bác bên phải, mặt sau màu nâu và đỏ in hình dân công và bộ đội hành quân ra mặt trận.

Tuy vậy, ở Bắc, Trung Bộ, do dân chúng vẫn còn quen sử dụng tiền đồng thời phong kiến, nên ngày 17/4/1947, ở chiến khu Việt Bắc, cuộc hội nghị giữa các ban ngành liên quan đã bàn luận về vấn đề tiền đồng⁽⁵⁵⁾, và ngày 01/6/1947, Chủ tịch Chính phủ là Hồ Chí Minh, ký Sắc lệnh số 51, *“Xét vì cần phải có một chế độ tiền tệ duy nhất; Xét vì sự lưu hành tiền đồng mang niên hiệu Minh Mạng, Thiệu Trị tại các tỉnh ở Bắc, Trung Bộ là một trong những nguyên nhân làm cho sự sinh hoạt trở nên vất vả... Ra Sắc lệnh: Trong khi chờ Bộ Tài chính phát hành một thứ tiền thích hợp để thay thế cho tiền đồng, tạm thời định giá một đồng bạc Việt Nam là hai mươi đồng tiền đồng. Thứ tiền đồng... mang niên hiệu Minh Mạng, Thiệu Trị... vẫn thường lưu hành tại các tỉnh miền Bắc Trung bộ”*.

Ngày 25/6/1947, khi được tin Giám đốc Tài chính Trung Bộ là ông Nguyễn Văn Tấn, ra Bắc Cạn, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã bàn về tài chính Trung Bộ, trong đó có vấn đề trị giá tiền đồng ở Bắc Trung Bộ; và từ ngày 28/01/1948 đến 31/01/1948, Hội nghị Tài Chính ở Tuyên Quang, thông qua việc *“Thu tiêu tiền đồng”*⁽⁵⁶⁾. Để rồi sau đó, đến ngày 14/4/1948, thì có Sắc lệnh số 167/SL *“Nay thu tiêu tiền đồng ở Trung Bộ. Trong một thời hạn là hai tháng, kể từ ngày Sắc lệnh này được niêm yết, ai có tiền đồng có thể đem đổi, lấy tiền Việt Nam ở các ty Ngân khố và các Ủy ban Kháng chiến hành chính địa phương, theo giá ấn định trong Sắc lệnh số 51-SL ngày 1 tháng 6 năm 1947 (1 đồng bạc ăn 20 đồng tiền đồng). Cách thức đổi sẽ do Bộ Tài chính ấn định”*.

Do vậy, thời đó ở Trung Bộ có phong dao:

*Tín phiếu là bạc của ta,
Ta yêu ta quý, là ta góp phần,*

⁽⁵⁵⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. Tập 1*, tr. 73.

⁽⁵⁶⁾ Lê Văn Hiến. *Sổ đ. Tập 1*, xem nội dung các ngày tương ứng ở các tr. 116, 266.

*Đánh tan bè lũ thực dân,
Phá xiềng nô lệ gông cùm cho ta⁽⁵⁷⁾!*



10 đồng Trung Bộ.



Tín phiếu 1 đồng ở Trung Bộ.



Tín phiếu 1000 đồng ở Trung Bộ.

1.3. Tín phiếu/ Giấy bạc Nam Bộ

Ở Nam Bộ, ngày 23/9/1945, phản đối quân Pháp trở lại Việt Nam nên toàn dân Nam Bộ kháng chiến, vì khối lượng *Giấy bạc Việt Nam* ít, không đủ để sử dụng, lại thêm cuối năm 1947, Pháp tuyên bố không thừa nhận tờ giấy bạc 100 đồng vàng của NHDD in thời thân Nhật năm 1945, với mục đích làm mất tài sản

⁽⁵⁷⁾ *Lịch sử Ngân hàng Việt Nam [1951-2016]. Sđd, tr. 33.*

của nhân dân ta, Sở Tài chính thuộc Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ (UBKCHCNB) đã ra công văn số 118-TC-1 ngày 28/01/1948 cho phép “Việt Nam hóa” tiền giấy Đông Dương bằng cách đóng dấu đỏ thị thực của UBKCHC các vùng quản lý ở miền Nam như Biên Hòa, Long Xuyên, Châu Đốc, Tiền Giang, Bến Tre, Chợ Lớn, Long Phước, Rạch Giá, Hà Tiên... để nhân dân tiếp tục sử dụng. Vị trí đóng dấu được quy định theo từng tỉnh và được giữ bí mật tại Thông tư số b153/TC-2 ngày 18/11/1947 của Sở Tài chính Nam Bộ; ngoài ra, cũng như có Chỉ thị số 11-TC-2 ngày 14/3/1948 của UBKCHCNB cho đóng dấu nổi các khẩu hiệu “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh”... trên tiền giấy Đông Dương 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng... Thậm chí, do thiếu tiền lẻ để sử dụng, UBKCHCNB còn ra Chỉ thị số 11/TV-2 ngày 19/9/1948 cho phép cắt đôi bạc nhỏ và Chỉ thị số 78/TV-3 ngày 07/11/1948 cho phép cắt đôi tờ bạc giấy của NHDD để dùng như mệnh giá nhỏ bằng 50% tờ còn nguyên vẹn...

Những tờ giấy bạc có đóng dấu cách mạng này gọi là tiền “Việt Nam hóa”, rất có ý nghĩa lịch sử !

Từ ngày “05/9/1947. Chuẩn bị chương trình nghị sự và tài liệu để họp... Hội đồng Chính phủ và liên bộ chỉ huy kháng chiến... Bộ Tài chính có những vấn đề này: Nam Bộ yêu cầu phát hành tín phiếu 20 triệu đồng...”⁽⁵⁸⁾. Do vậy, ngày 01/11/1947, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 102/SL “Nay cho phép phát hành tại Nam Bộ những ‘tín phiếu’ sau này có giá trị như giấy bạc Việt Nam: 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 500 đồng. Những ‘tín phiếu’ kể trên sẽ chiếu nguyên giá đổi lấy giấy bạc Việt Nam. Tổng số giá trị những ‘tín phiếu’ được phát hành theo điều 1 Sắc lệnh này không được quá Hai mươi triệu đồng bạc. (20.000.000 đ). Những ‘tín phiếu’ này được phép lưu hành như giấy bạc Việt Nam”.

Cũng do vấn đề đấu tranh tiền tệ với Pháp, ngày 05/01/1948, Bộ Tài chính đã “Chuẩn bị tài liệu để ra Trung ương và Hội đồng Chính phủ... Cho Nam Bộ in bạc theo đề nghị của Ủy ban Hành chính Nam Bộ và Đồng...”⁽⁵⁹⁾; đến ngày “19/01/1948: Trong mấy hôm, Hội đồng đã phải quyết được mấy vấn đề quan trọng này... Cho phép Nam Bộ in giấy bạc. Kế hoạch in bạc Việt Nam...”⁽⁶⁰⁾; cho nên, đến ngày 02/3/1948, chính phủ ra thêm Sắc lệnh số 147/SL “Nay cho phép phát hành, tại Nam Bộ, và lưu hành trong toàn quốc, giấy bạc Việt Nam loại mới 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng, 50 đồng và 100 đồng. Tổng số giấy bạc phát hành ấn định là Ba Trăm triệu đồng (300.000.000 đ 00). Việc phát hành do Ủy ban Kháng chiến

⁽⁵⁸⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. Tập 1, tr. 164.

⁽⁵⁹⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. Tập 1, tr. 245.

⁽⁶⁰⁾ Lê Văn Hiến. Sđđ. Tập 1, tr. 257.

kiêm Hành chính Nam Bộ tổ chức và điều khiển. Những đặc điểm của giấy bạc nói trên cũng do Ủy ban ấy ấn định. Giấy bạc phải có chữ ký của Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến kiêm Hành chính Nam Bộ, đại diện Bộ trưởng Bộ Tài chính và Giám đốc Ngân khố Nam Bộ, đại diện Tổng Giám đốc Ngân khố Quốc gia”.

Trên cơ sở được Chính phủ thông qua, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã triển khai công việc, ngày “05/6/1948: *Điện cho Đồng và Bạch Nam Bộ xúc tiến mạnh việc in ấn giấy bạc Việt Nam để đủ chi tiêu và thủ tiêu giấy bạc Đông Dương*”⁽⁶¹⁾, rồi ngày “18/10/1948... *Sau khi cân nhắc kỹ càng, điện vào cho UBKCHC và Tài chính Nam Bộ: 1, Xúc tiến gấp việc in giấy bạc Việt Nam càng nhiều càng tốt. 2, Số bạc Việt Nam sẽ dùng: Thăng bằng ngân sách Nam Bộ...*”⁽⁶²⁾.

Cuối năm 1948, chiến sự căng thẳng, lại do Hoa kiều ở Chợ Lớn giả *Giấy bạc Việt Nam*⁽⁶³⁾ nên UBKCHCNB quyết định ấn loát tại chỗ và phát hành loại giấy bạc Nam Bộ theo Sắc lệnh số 147/SL ngày 02/3/1948. Loại giấy này chất liệu khá tốt, cũng có ghi quốc hiệu VNDCCH, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, hàng chữ *Giấy bạc Việt Nam* và hàng chữ “*Theo sắc lệnh của Chính phủ Việt Nam...*”. Riêng về “*Đại diện Bộ trưởng Bộ Tài chính*” thì do Chủ tịch UBKCHCNB tức ông Phạm Văn Bạch ký, còn “*Đại diện Tổng Giám đốc Ngân khố Quốc gia*” thì do Giám đốc Ngân khố Nam Bộ tức ông Nguyễn Thành Vĩnh ký. Ban Ấn loát đặc biệt Nam Bộ do phái viên Chính phủ VNDCCH tại Nam Bộ là kỹ sư Ngô Tấn Nhơn làm Trưởng ban, chia ra các ban nhỏ để dễ thực hiện: Phân ban A tại Chiến khu bung biển Đồng Tháp Mười, huyện Mộc Hóa, tỉnh Tân An (Long An hiện nay) chuyên in Tín phiếu, do nhóm Họa sĩ Huỳnh Văn Gấm thực hiện; Phân ban B ở rừng U

⁽⁶¹⁾ Lê Văn Hiến. *Sổđ*. Tập 1, tr. 367.

⁽⁶²⁾ Lê Văn Hiến. *Sổđ*. Tập 1, tr. 444.

⁽⁶³⁾ Trong hồi ký, ông Hồ Văn Thế, phái viên của Bộ Tài chính, ủy viên Ban Ấn loát Đặc biệt Nam Bộ cho biết: “...lúc bấy giờ [1950], loại giấy bạc tài chính 100 đồng màu đỏ của ta bị bọn Ba Tàu ở Chợ Lớn làm giả rất nhiều, chúng cho bọn gian thương mang vào vùng giải phóng hàng bao tải để lũng đoạn kinh tế ta. Giấy bạc giả có nhiều kiểu khác nhau, đồng chí Nguyễn Thành Vĩnh, ủy viên tài chính của Nam Bộ sưu tầm được đến 8 kiểu khả nghi là giả, nhưng cũng không một ai dám hoàn toàn khẳng định là giả vì ngay cả giấy bạc thật của ta cũng có lắm điểm khác nhau, như khác màu sắc do có lúc thiếu mực, nên pha chế màu không thống nhất hoặc nét vẽ đứt đoạn này mất đoạn kia do thiếu hóa chất, bản kẽm không đảm bảo kỹ thuật, máy Offset Manimoni in loại bạc này của Ấn loát Đặc biệt Trung ương qua nhiều lần di chuyển đã xộc xệch hư hỏng nhiều... Đoàn được UBKCHC chất vấn về việc này; riêng tôi là người duy nhất của Đoàn xuất phát từ nơi in loại bạc này được Ủy ban giao cho những tờ bạc nghi giả nói trên để tra cứu xác minh và trả lời. Chỉ nhìn qua chữ và số in khác cỡ cũng đủ chứng minh là giả rồi; chữ và số của ta đúc liền nhau do máy linotype đúc ra với cỡ 12 (corps 12), những tờ bạc này phần lớn dùng chữ và số rời cỡ 11. Để được chắc chắn hơn, tôi nhận mang về tra cứu. Dùng lúp xem kỹ lại hình vẽ, đối chiếu với các mặt hiệu, đối chiếu các chữ số in ở 4 góc tờ bạc với mặt mã, thấy mặt hiệu, mặt mã đều sai; rõ ràng 8 tờ bạc 100 đồng đều giả cả. Tôi có làm một văn bản tường trình báo cáo lên UBKCHCNB đồng gửi Bộ Tài chính và Ủy ban Sản xuất bạc Việt Nam. Thế là UBKCHCNB có thêm một chứng cứ để khẳng định sự phát hiện trước đây” (Hồ Văn Thế. “Giấy bạc tài chính từ Việt Bắc đến Cà Mau”. 40 mùa sen nở, tr. 170-171).

Minh, huyện Ngọc Hiến, Cà Mau, Bạc Liêu, chuyên in tiền giấy, do nhóm Họa sĩ Hồ Văn Thế thực hiện; Phân ban C ở Vĩnh Long in các loại tiền giấy địa phương Long - Châu - Sa (bạc giấy loại A) và các loại *Tín phiếu*, *Phiếu Tiếp tế* (loại B)... Trên tiền giấy cũng có cả chữ Hán, Miên, Lào, gồm các loại:

Giấy bạc 50 xu (in hình mục đồng) và 10 đồng (in hình quân và dân), đã in, nhưng chưa đưa ra lưu hành. Các mệnh giá 1 đồng, 5 đồng, 20 đồng: chỉ 1 mẫu, phát hành giai đoạn 1947-1949. Mệnh giá 50 đồng có 3 mẫu là *Độc lập*, *Công nông*, *Mình Đảng*. Mệnh giá 100 đồng có đến 4 mẫu khác nhau...

Ngoài ra, như đã nói, UBKCHCNB đã cho phép các tỉnh tự in tiền mệnh giá nhỏ: 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng với serie được cấp để đáp ứng nhu cầu sử dụng, với các hàng chữ ghi rõ “*Chỉ lưu hành trong tỉnh Long - Châu - Sa*” (Long Xuyên - Châu Đốc - Sa Đéc) hoặc “*Chỉ lưu hành trong tỉnh Mỹ Tho*”..., nhưng điều lưu ý là tất cả *Giấy bạc Việt Nam* đều có chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh nên dân gian gọi là Bạc giấy Cụ Hồ và đều có chữ ký hoặc đại diện Bộ trưởng Bộ Tài chính nên cũng gọi là Tiền Tài chính...

Tổng số tiền giấy do UBKCHCNB in và phát hành từ năm 1949 đến 1953 là 2.519.132.233 đồng⁽⁶⁴⁾.

Các loại *Giấy bạc Việt Nam* này được sử dụng tại các vùng giải phóng và được đưa vào các vùng quân Pháp chiếm đóng. Thấy vậy, Pháp cho in nhiều *Giấy bạc Việt Nam* giả, nhiều nhất là loại 100 đồng màu đỏ, để lũng đoạn kinh tế chính phủ kháng chiến. Bắt được loại giấy bạc giả này, Ủy ban Kháng chiến Hành chính các địa phương đã cho dán lên tờ giấy bạc giả đó “*Phiếu kiểm soát*” và đóng dấu giáp lai của Ủy ban Kháng chiến, có khi có cả chữ ký bằng tay của chủ tịch hoặc Trưởng ty Ngân khố, để tiếp tục sử dụng, gọi là “*Tiền đắp nền*”.

Rồi theo Sắc lệnh 102/SL ngày 01/11/1947 của Trung ương, ngày 28/8/1949, UBKCHCNB ra Nghị định số 267/NĐ, cho lưu hành các loại “*Tín phiếu*, *Phiếu tiếp tế*, *Phiếu đổi chác*...” của riêng từng tỉnh và chỉ lưu hành trong tỉnh đó như ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Sóc Trăng, Hà Tiên... với 2 chữ ký là của Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh và Trưởng ty Ngân khố. In hình Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cảnh sinh hoạt, tuy kỹ thuật in thô sơ nhưng đầy ý nghĩa vì thường có hàng chữ cổ động (có thể in cùng lần với tín phiếu hoặc cũng có thể in đề lên thêm khi phát hành) như “*Toàn dân đoàn kết chống ngoại xâm - Tích cực chuẩn bị phản công - Thi đua lập chiến công - Thi đua ái quốc - Một nước Việt Nam độc lập, một chính phủ Hồ Chí Minh*...”.

⁽⁶⁴⁾ Số liệu theo: Nguyễn Thị Huyền. *Luận văn đã dẫn*, tr. 49. *Tiền Việt Nam*. Sđd, tr. 55, đã làm tròn thành 2.519 triệu đồng.

Tổng số tiền bằng *Tín phiếu, Phiếu tiếp tế, Phiếu đổi chác* do các địa phương in và phát hành ở Nam Bộ là 306.100.000 đồng⁽⁶⁵⁾.

Như vậy, tại Nam Bộ cùng lúc cho sử dụng 4 hệ thống tiền song song: tiền của NHDD đã được “*Việt Nam hóa*”, tiền Tài chính của Trung ương phát hành, và tiền do Nam Bộ in riêng, lồng trong đó có cả “*Tiền đắp nền*” nữa; cho thấy tiền tệ tuy là một công cụ hậu cần, nhưng cũng là một mặt trận vô cùng đa dạng. Ngoài *bạc giấy*, sự xuất hiện của *tín phiếu, phiếu tiếp tế, phiếu đổi chác*... và cả sự phân chia 3 khu vực in và phát hành tiền tệ riêng ở Bắc (tức *Ấn loát Tài chính Trung ương*: 1945-1951) - Trung (*Ấn loát Tài chính Trung Bộ*: 1946-1952) - Nam (*Ấn loát đặc biệt Nam Bộ*: 1948-1954), cho thấy sự sáng tạo của dân tộc ta, nhưng thể hiện ra, là cả một cuộc chiến tranh nhân dân...

Cuối năm 1953, ở Nam Bộ còn cho phát hành “*Séc ghi tên*”, có mệnh giá 1.000 đồng, 5.000 đồng và 10.000 đồng màu xanh biển⁽⁶⁶⁾, thay tiền mặt để giảm phát hành số lượng giấy bạc với tổng giá trị 94,5 triệu đồng⁽⁶⁷⁾.

Sau khi ở miền Bắc đã thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (NHQGVN) vào năm 1951 thì ngày 21/9/1953, Nghị định số 39/NĐ-53 của UBKCHCNB cho thành lập *Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ* do ông Trần Học Hải làm Giám đốc còn Phó Giám đốc là ông Trần Dương, cán bộ của miền Bắc do ông Nguyễn Lương Bằng cử vào Nam từ năm 1951. Các mệnh giá đã in gồm 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng có hàng chữ “*Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ*”. Đầu năm 1954, Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ chủ trương in thêm giấy bạc 200 đồng và 500 đồng, đến giữa năm thì in xong loại 200 đồng, các loại tiền này chưa kịp phát hành thì Hiệp định Genève được ký kết, loại 500 đồng còn trên bản vẽ⁽⁶⁸⁾...

Sơ bộ kể trên, ta thấy tuy đang chiến tranh rầm rộ ác liệt, nhưng ở cả 3 miền của đất nước Việt Nam, tiền tệ được in ra cũng rất phong phú, mỹ thuật được ứng dụng... Cho nên, Jacques Despuech nhận xét: “*Giấy bạc của Việt Minh in bằng một thứ kỹ thuật thô sơ. Nó có nghệ thuật hội họa hơn là tiền tệ*”⁽⁶⁹⁾.

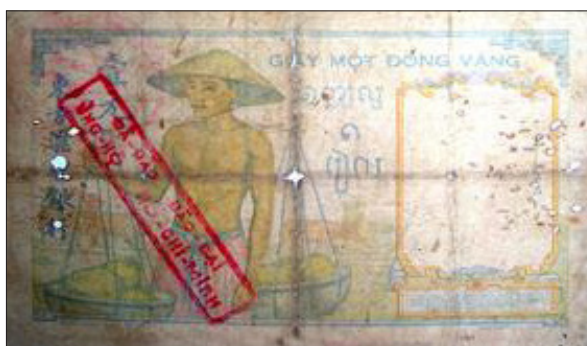
⁽⁶⁵⁾ Số liệu theo: Nguyễn Thị Huyền. *Luận văn đã dẫn*, tr. 55. *Tiền Việt Nam. Sđđ*, tr. 55, đã làm tròn thành 306 triệu đồng.

⁽⁶⁶⁾ *40 mùa sen nở. Sđđ*, tr. 289. Các mẫu séc này được Nhà sưu tập Nguyễn Văn Mai (Hà Nội) sưu tầm được và công bố hình ảnh trên tạp chí *Vietnam Numismatics*. Tập 6 ra tháng 12/ 2019, tr. 30-31.

⁽⁶⁷⁾ Số liệu theo: *Tiền Việt Nam. Sđđ*, tr. 55.

⁽⁶⁸⁾ Bộ tiền của Ngân hàng Nhân dân Nam Bộ, chưa phát hành, được Nhà sưu tập Huỳnh Tấn Thành (Thành phố Hồ Chí Minh) sưu tầm được đủ cả 6 mệnh giá, và công bố hình ảnh trên *Tạp chí Vietnam Numismatics*. Tập 6 ra tháng 12/2019, tr. 32-35.

⁽⁶⁹⁾ Jacques Despuech (1953). *Le trafic de piastres*. Deux Rives, tr. 109; dẫn lại theo: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Lịch sử Ngân hàng Việt Nam [1951-2016]*, tr. 28.



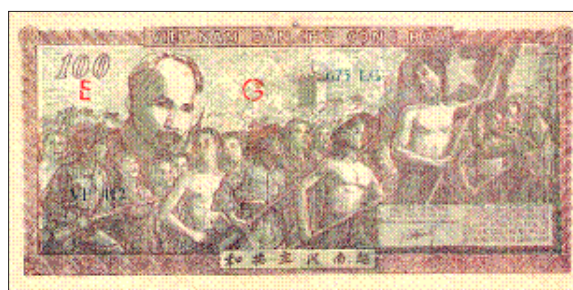
Tiền Đồng Dương được "Việt Nam hóa" bằng đóng dấu Cách mạng Rạch Giá và câu khẩu hiệu "Ủng hộ Hồ Chí Minh".



Giấy bạc 50 đồng ở Nam Bộ.



Giấy bạc 50 đồng ở Nam Bộ (Mẫu khác).



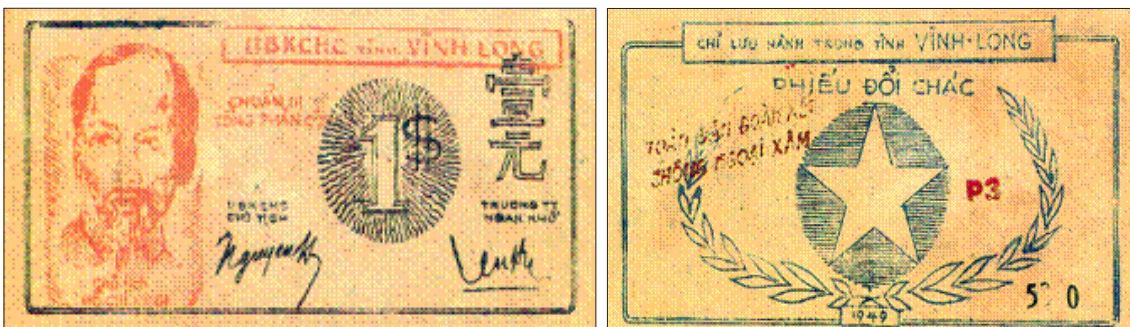
Giấy bạc 100 đồng ở Nam Bộ.



Tín phiếu 5 đồng Nam Bộ (Chỉ lưu hành trong tỉnh Thủ Biên).



Phiếu tiếp tế 10 đồng của tỉnh Hà Tiên.



Phiếu đổi chác 1 đồng của tỉnh Vĩnh Long.



Tiền đắp nền có dấu Vĩnh Long.

2. ...đến tiền của Ngân hàng Quốc gia và Ngân hàng Nhà nước

Sau thắng lợi Chiến dịch Biên giới 1950, “*Chiếu theo Sắc lệnh số 86/SL ngày 17/9/1947 thiết lập Việt Nam Quốc gia Ngân hàng... Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tài chính...*”, ngày 06/5/1951, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 15/SL “*Điều 1: Nay thiết lập NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM. Điều 2: Ngân hàng Quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ: - Phát hành giấy bạc ngân hàng, điều hòa lưu thông tiền tệ. - Quản lý ngân quỹ quốc gia, quản lý ngoại tệ. - Quản lý kim dụng bằng các thể lệ hành chính. - Đấu tranh tiền tệ với địch. Nói chung, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam làm những công việc để thi hành chính sách tiền tệ, chính sách tín dụng và chính sách ngân hàng của Chính phủ. Điều 3: Các loại giấy bạc mà Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phát hành sẽ do sắc lệnh ấn định*”. Cùng ngày, có Sắc lệnh số 16/SL “*Nay bổ nhiệm ông Nguyễn Lương Bằng giữ chức Tổng Giám đốc, Lê Viết Lương giữ chức Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam*”. Sau khi khánh thành ngân hàng, Hồ Chủ tịch nói: “- Thành lập được Ngân hàng Quốc gia và phát hành giấy bạc Ngân hàng là thắng lợi của ta về kinh tế”.

Ngày 12/5/1951, có Sắc lệnh số 19/SL cho phép “*Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phát hành hai loại giấy bạc sau đây: Giấy bạc Hai mươi đồng (20đ.), Giấy bạc Năm mươi đồng (50đ.)*”, đồng thời thêm Sắc lệnh số 20/SL “*Để củng cố nền tài chính và tiền tệ Quốc gia và để tiện lợi cho nhân dân trong việc giao dịch, nay ấn định một đồng Việt Nam do Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành có giá trị bằng mười đồng do Bộ Tài chính phát hành. Các giấy bạc do Bộ Tài chính phát hành vẫn tiếp tục lưu hành cùng với giấy bạc của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam*”.

Việc đổi tiền mới bắt đầu tiến hành từ ngày 01/6/1951, đây là một cuộc cải cách tiền tệ mà bản chất là chuyển từ chế độ tiền tệ quốc khó thành chế độ tiền tệ tín dụng.

Ngày 25/5/1951, Thủ tướng Chính phủ VNDCCH ra Nghị định 97/TTg quy định những chi tiết tổ chức NHQGVN, sau đó đến ngày 20/7/1951 thì có thêm Nghị định 107/TTg cho thành lập Kho bạc Nhà nước đặt trong NHQGVN trực thuộc Bộ Tài chính; và đến ngày 12/9/1951 thì thành lập Ngân hàng Liên khu 5.

Ngày 20/9/1951, có Sắc lệnh số 51/SL cho phép “*Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phát hành loại giấy bạc Một Trăm Đồng (100đ.)*”.

Ngày 25/5/1952, “*Chiếu đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam*”, có Sắc lệnh số 92/SL “*Điều 1: Nay bãi bỏ điều 3 sắc lệnh số 15/SL ngày 6-5-1951. Điều 2: Giấy bạc do Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành gồm các loại sau đây: Giấy mười đồng (10 đồng), Giấy hai mươi đồng (20 đồng), Giấy năm mươi đồng (50 đồng), Giấy một trăm đồng (100*

đồng), Giấy hai trăm đồng (200 đồng), Giấy năm trăm đồng (500 đồng), Giấy một nghìn đồng (1000 đồng). Điều 3: Việc phát hành mỗi loại giấy bạc nói trên do Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia quyết định. Nghị định phát hành phải ghi rõ các đặc điểm của tờ giấy bạc thuộc mỗi loại (kích thước, hình vẽ, mẫu). Điều 4: Tổng số bạc mà Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phát hành sẽ do một sắc lệnh ấn định”. Do vậy, ngày 08/6/1952, có Sắc lệnh số 94/SL “Nay cho phép Ngân hàng Quốc gia Việt Nam phát hành một số tiền là Năm mươi nghìn triệu bốn mươi vạn đồng Ngân hàng (50.000.400.000 đ)”.

Một năm sau, tức ngày 20/5/1953 thì có sắc lệnh số 162/SL “Để thống nhất tiền tệ, củng cố nền tài chính quốc gia và để nhân dân giao dịch được thuận tiện nay lấy đồng bạc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong toàn quốc trừ Nam Bộ, kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1953. Ký hiệu của đồng bạc Việt Nam là chữ ‘đ’ (đồng)”, do đó cùng ngày, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 269/TTg đình chỉ lưu hành các loại tiền tài chính 100 đồng, 200 đồng và 500 đồng.

Cuối cùng là phát hành tiền mệnh giá lớn nhất, ngày 01/12/1953, có Sắc lệnh số 192/SL cho “Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phép phát hành loại giấy bạc Năm nghìn (5.000 đ)”.

Tóm lại, giai đoạn này, năm 1951 NHQGVN có in mệnh giá 20 đồng gồm 2 loại giống nhau nhưng 2 màu xanh lục và đỏ tía, mệnh giá 50 đồng 2 loại: màu lục và màu nâu; mệnh giá 100 đồng 2 loại: xanh dương và xanh lục; mệnh giá 200 đồng 2 loại: màu đỏ và xanh lục; mệnh giá 500 đồng chỉ một loại màu xanh lá cây; mệnh giá 1000 đồng chỉ một loại màu gạch và mệnh giá 5000 đồng chỉ một loại màu xanh rêu. Hệ thống tiền này do họa sĩ Trung Quốc vẽ và in tại Trung Quốc, chỉ ghi bằng 2 thứ chữ Việt và Hán song song, mặt trước có quốc hiệu VNDCCH, chân dung Hồ Chủ tịch, không có chữ ký nào mà chỉ 2 khuôn dấu tròn của Giám đốc và Phó Giám đốc NHQGVN; mặt sau có hàng chữ “NHQGVN”, năm in 1951, các hình ảnh công - nông - binh cùng sản xuất hoặc quân đội đang chiến đấu... riêng tờ 5000 đồng thì ghi in năm 1953; còn tờ 10 đồng thì không ghi năm in, do Nhà in Ngân hàng ở Hà Nội in, phát hành bổ sung vào tháng 11/1958, sau này được lưu hành tạm thời với dấu in đề “1 xu”⁽⁷⁰⁾.

Sau Hiệp định Genève, ngày 10/10/1954, Chính phủ VNDCCH về Thủ đô Hà Nội, tiếp quản NHDD của Pháp rất đồ sộ, đặt làm trụ sở Ngân hàng Quốc gia

⁽⁷⁰⁾ Nguyễn Thị Huyền. *Luận văn đã dẫn*, tr. 61, cho biết: Theo các họa sĩ của NHNNVN, đây là mẫu tiền do họa sĩ Bùi Trang Chước, nguyên Tổ trưởng tổ họa của ngân hàng được cử sang Trung Quốc năm 1950 để trông coi và giám sát việc in tiền năm 1951, nên ông đã vẽ mẫu tiền này để các họa sĩ Trung Quốc làm cơ sở thể hiện các mẫu tiền khác cho phù hợp chủ đề cuộc kháng chiến của Việt Nam. Nhưng mẫu tiền này lại không được in tại Trung Quốc, mà mãi đến năm 1957 mới được in ở Hà Nội, và khi phát hành đã có đóng dấu thêm trên mặt trước mệnh giá “1 xu”.

Việt Nam (địa chỉ hiện nay là số 49, Lý Thái Tổ, Hà Nội), hệ thống tiền vừa kể vẫn tiếp tục được sử dụng.

Hòa bình lập lại, ngày 20/01/1955 Chính phủ ra Nghị định số 443/TTg cho thành lập Sở quản lý Ngoại hối thuộc NHQGVN; và cuối tháng 5/1955 thì hoàn tất việc thu đổi toàn bộ tiền Đông Dương cũ trên toàn miền Bắc, với tỉ giá 1 đồng Đông Dương bằng 30 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam.

Năm 1958, NHQGVN bắt đầu cho in hệ thống tiền mới: tiền đúc thì có mệnh giá 1 xu, 2 xu, 5 xu bằng nhôm; tiền giấy thì có mệnh giá 1 hào màu đỏ, 2 hào màu lục, 5 hào màu da, 1 đồng màu đỏ, 2 đồng màu xanh dương, 5 đồng màu tím than và 10 đồng màu đỏ; mặt trước ghi quốc hiệu VNDCCH, luôn có quốc huy và nơi phát hành là NHQGVN, không có chữ ký hoặc khuôn dấu gì; mặt sau ngoài ghi mệnh giá còn có ghi năm in là 1958. Cả hai mặt đều in hình ảnh xây dựng đất nước và phong cảnh miền Bắc, riêng tờ 5 đồng và 10 đồng thì có thêm chân dung Hồ Chủ tịch ở mặt trước. Hệ thống tiền giấy này do họa sĩ Việt Nam vẽ nhưng nhờ kỹ thuật in của Trung Quốc. Đến ngày 27/02/1959 thì mới có Sắc lệnh số 15/SL với *“Điều 1: Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được phép phát hành tiền mới. Tiền mới phát hành gồm có giấy bạc các loại 10 đồng, 5 đồng, 2 đồng, 1 đồng, 5 hào, 1 hào và các loại tiền 5 xu, 2 xu, 1 xu bằng kim khí hoặc bằng giấy. Điều 2: Đơn vị tiền tệ thay đổi theo tỷ lệ một đồng tiền Ngân hàng mới ăn một nghìn đồng tiền Ngân hàng cũ. Điều 3: Theo tỷ lệ trên đây, thu đổi các loại giấy bạc Ngân hàng cũ”*.

Ngày 01/01/1960, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh công bố hiến pháp mới của nước VNDCCH; sau đó, ngày 26/10/1961, Chính phủ ra Nghị định số 171/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy tổ chức ngân hàng, đồng thời đổi tên “NHQGVN” thành *“Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”* (NHNNVN). Tuy nhiên, hệ thống tiền phát hành năm 1959 vẫn tiếp tục sử dụng và sau này còn có những đợt phát hành bổ sung, như năm 1964 phát hành tiền giấy mệnh giá 2 xu màu hồng tím, năm 1972 phát hành 1 hào màu đỏ tía, năm 1975 phát hành tiền giấy 5 xu màu tím hoa cà, và 2 hào màu lục với hàng chữ “NHNNVN”.

Trong quá trình phá hoại kinh tế miền Bắc, Mỹ đã cho in các loại tiền giả 1 đồng, 2 đồng và 5 đồng cho máy bay rải khắp miền Bắc. Riêng loại tiền giả 1 đồng có in thêm đuôi kèm 2 mặt chữ in những lời: *“- Đảng thì vung phí tiền của đồng bào vào một cuộc chiến tranh tuyệt vọng. Khi chiến tranh còn tiếp diễn, sẽ chẳng có gì mấy để mua. Chiến tranh thì tàn phá quê hương đồng bào. Tiền đồng bào để dành sẽ trở nên vô giá”*; còn mặt sau thì ghi: *“- Hãy coi chừng một cuộc cải cách tiền tệ nữa. Các bạn có thể mất tất cả tài sản, công lao mồ hôi nước mắt của bạn”*... nhưng khi đó, nền kinh tế miền Bắc đã vững mạnh, nạn tiền giả này không làm xảy ra tai biến gì, ngược lại, hệ thống tiền vừa kể vẫn tiếp tục lưu hành ổn định cho đến ngày thống nhất đất nước...

II. Cách mạng Việt Nam: rút lui mặt trận tiền tệ và thành lập Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam

Nhắc lại, sau Hiệp định Genève 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt 2 miền, chờ đến năm 1956 sẽ có tổng tuyển cử... Trong thời gian chuẩn bị bàn giao vùng kiểm soát, Chính phủ VNDCCH đã tổ chức công tác thu hồi giấy bạc Nam Bộ và tín phiếu ở Trung Bộ...

1. Rút lui mặt trận tiền tệ

Ở Nam Bộ, Trung ương chuyển vào nhiều vốn tiền NHDD cũ để thu đổi *Giấy bạc Việt Nam*, quá trình gồm 3 bước:

- Bước 1: Từ ngày 15/8/1954 đến 22/8/1954 là thời gian chuẩn bị cho chính quyền cách mạng rút về tập kết ở Bạc Liêu vào ngày 26/8/1954. Ưu tiên cho thu đổi trước cho dân nghèo, và đổi một ít cho người có nhiều tiền để sử dụng trước mắt, phần còn lại sẽ đổi ở vùng giáp ranh.

- Bước 2: Bắt đầu từ ngày 01/9/1954 đến 27/10/1954, thu đổi tự do vùng ranh giới tập kết.

- Bước 3: Từ ngày 01/11/1954 đến ngày 04/01/1955, thu đổi trong tỉnh Bạc Liêu.

Hoàn tất thu đổi toàn Nam Bộ từ ngày 01/9/1954 đến 05/01/1955 được 1.428.618.944 đồng tiền Cụ Hồ⁽⁷¹⁾.

Ở Trung Bộ, tình hình khó khăn hơn vì thiếu nguồn vốn, chính phủ chỉ đạo việc chuyển bán hàng hóa như lúa gạo, thuốc tây... thậm chí đưa cả vàng vào và cả hình thức giúp dân phục hồi sản xuất bảo đảm cuộc sống... để thu hồi tín phiếu. Công việc thu đổi bắt đầu từ ngày 01/02/1955 đến ngày 31/3/1955 thì tạm thu được 33.908.899.039 đồng tức khoảng 78% so với tổng phát hành⁽⁷²⁾. Để tận thu, Chính phủ còn kéo dài thời hạn thu đổi cho đến ngày chuyển giao vùng kiểm soát.

Đến ngày rút lui, Chính phủ VNDCCH tuyên bố các khoản còn thiếu như công phiếu kháng chiến, cổ phần đóng góp... chưa thu đổi hết xin hoãn lại để sau tổng tuyển cử năm 1956 sẽ giải quyết thêm...

Tuy nhiên, *“mọi giới quan sát có hiểu biết về tình hình Việt Nam đều kết luận rằng nếu tổng tuyển cử được tổ chức thì Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ dành được 80% số phiếu của nhân dân Việt Nam ủng hộ, và Mỹ thì hoàn toàn không thủ vị trước viễn cảnh của một nước Việt Nam cộng sản, dù đó là ý nguyện của nhân dân*

⁽⁷¹⁾ Số liệu theo: Lê Văn Tư. “Tình hình kinh tế tài chính và hoạt động kinh tài ở miền Nam Việt Nam”. *Kỷ yếu Hội thảo tiền tệ 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 29/9/1998, tr. 15.

⁽⁷²⁾ Số liệu theo: Lê Văn Tư. “Bài đã dẫn”, tr. 14. Theo *Tiền Việt Nam*. Sđd, tr. 62: “đã thu hồi 43,77 tỷ Tín phiếu” là một con số vô lý; vì cũng *Tiền Việt Nam*, tr. 54, cho biết tổng phát ra chỉ có 43.764 triệu đồng!

nước này...”⁽⁷³⁾. Do vậy, Mỹ và Pháp cố tình phá hoại Hiệp định Genève, không có cuộc tổng tuyển cử, chính quyền của Ngô Đình Diệm đã khủng bố các lực lượng cộng sản...

2. Thành lập Ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam

Để tổ chức kháng chiến lâu dài, lực lượng cách mạng đã xây dựng căn cứ ở núi rừng dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, Xứ ủy Nam Bộ được Đảng Cộng sản chỉ đạo thay bằng Trung ương Cục Miền Nam (TWCMN) có tầm hoạt động lớn mạnh hơn. Còn Ban Tài chính cũ của Xứ ủy Nam Bộ, được chuyển thành *Ban Tài chính Đặc biệt* với Bí số N2683, trực thuộc TWCMN, có nhiệm vụ trực tiếp nhận chi viện từ Hà Nội để phục vụ chiến trường miền Nam. Hệ thống Ban Tài chính Đặc biệt gồm 3 bộ phận chính: B.29 là đầu mối đặt tại NHNNVN ở Hà Nội do ông Bầy Hùng (tức Phạm Hùng, ủy viên của Bộ Chính trị) chỉ đạo; bộ phận thứ hai là Ban Công tác Đặc biệt (tránh dùng chữ “*tài chính*” để giữ bí mật) bí số C.32 trực thuộc Ban Kinh tài TWCMN do ông Mười Cúc (tức Nguyễn Văn Linh, Bí thư TWCMN) trực tiếp đơn tuyến chỉ đạo và bộ phận thứ ba là một số cán bộ cốt cán bố trí ở nước ngoài...

Thời kỳ Chính quyền Sài Gòn đánh phá các cơ sở quân miền Bắc, TWCMN đã chuẩn bị cho Đồng Khởi và tiến tới thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) ngày 20/12/1960. Sau khi ba bộ phận của Ban Tài chính Đặc biệt đã phối hợp, ông Mười Cúc chỉ đạo các thành viên mở rộng cơ sở với bình phong là Công ty Xuất nhập khẩu Tân Á để công khai phát triển làm ăn và tìm cách nối với Hà Nội cùng với các cơ quan của ta đặt ở nước ngoài...

Vào những năm 1963, phong trào cách mạng lên cao, vùng giải phóng rộng lớn, dân đông, TWCMN đã cho in tại Trung Quốc các loại tiền giấy mặt trước ghi “*Ủy ban Trung ương MTDTGPMNVN*” còn mặt sau ghi mệnh giá gồm 10 xu, 20 xu, 50 xu cả hai mặt in hình ngôi sao cách mạng tỏa sáng, từ loại 1 đồng, 2 đồng, 5 đồng, 10 đồng và 50 đồng cả hai mặt đều in các hình ảnh quân dân cách mạng miền Nam... để chuẩn bị phát hành ở vùng T2, T3. Nhưng năm 1965, Mỹ can thiệp mạnh bằng quân sự làm vùng giải phóng bị co hẹp lại, tiền Mặt trận không phát hành được; ngược lại còn bị quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) thu được khi càn quét bắt giết lực lượng miền Bắc...

Đối với sự chi viện của miền Bắc, giai đoạn đầu là cho cán bộ mang dollar đi bộ vượt Trường Sơn qua ngã Campuchia để vào miền Nam, vừa chậm, tổn thất dọc đường lại nguy hiểm và hàng trăm chiến sĩ đã hy sinh trong các vụ chuyển tiền... Đến năm 1965 chiến tranh rầm rộ đòi hỏi chi viện nhiều hơn mà phương

⁽⁷³⁾ Hồi ký của Tổng thống Mỹ Eisenhower, dẫn lại theo bài của Lê Văn Tư. "Bài đã dẫn", tr. 1.

pháp vận chuyển tiền như cũ không đáp ứng được nhu cầu. Trước tình hình đó, ông Phạm Hùng cử người vào Nam gặp người của ông Mười Cúc bàn về phương pháp chuyển tiền nhanh gọn. Một Phương pháp mới (FM) ra đời bằng cách đặt trụ sở của Ban Tài chính Đặc biệt ngay tại Sài Gòn và Hà Nội chi viện bằng thanh toán qua hệ thống ngân hàng nước ngoài thẳng đến Sài Gòn với 3 loại tiền để sử dụng: tiền A (tức USD) là hình thức chuyển khoản, tiền Z (tức tiền của chế độ Sài Gòn) để sử dụng trên địa bàn miền Nam và tiền C (là tiền riel của Campuchia) để Cục Hậu cần mua vật chất ở Campuchia cung ứng cho các hoạt động. Đề nghiệp vụ ngân hàng của FM đạt kết quả cao, ông “Nguyễn Văn Thảo”⁽⁷⁴⁾ vừa được đào tạo chính quy ở Liên Xô về, liền được lệnh vào Nam triển khai công tác... FM đã phối hợp đồng bộ từ B.29 đến các đầu mối hoạt động trong và ngoài nước bảo đảm nhu cầu cho chiến trường miền Nam cho đến sau ngày 30/4/1975 vẫn không bị lộ...

Về phía Mỹ, thời kỳ Chiến tranh Cục bộ (1965-1969) đã đưa ra kế hoạch Johnson - Mac Namara nhưng bị chiến lược Đông Xuân của quân miền Bắc đập tan hai gọng kìm. Trên cơ sở đó, TWCMN chuẩn bị phát hành tiền cách mạng lần 2: năm 1966 cho in “*Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam*” có hệ thống giá trị cũng như các loại tiền Mặt trận trước đây. Trong đợt tổng tiến công 1968, Hà Nội đã điều 500 cán bộ ngân hàng vào Nam, trong đó có ông Trần Dương là Phó Tổng Giám đốc NHNNVN, để lo cho việc phát hành này⁽⁷⁵⁾; nhưng sau Tết Mậu Thân, Mỹ và quân đội VNCH phản kích ác liệt mở rộng chiến tranh trên cả 3 nước Đông Dương nên việc phát hành tiền này không thực hiện được.

Vấn đề chi phí từ cuối năm 1967 đến 1968 ta sử dụng cho quân sự đến 1800 triệu đồng Z, còn tiền A thì trung bình mỗi năm khoảng 10 triệu. Riêng tại Campuchia, ngày 18/8/1968, chính phủ nước này đã phá giá đồng riel thay vì 35 riel ăn 1 dollar thì nay tăng lên 55,54 riel làm vật giá tăng vọt và quỹ tiền riel của ta cũng một phần tổn thất... do vậy, các cơ quan của miền Bắc đã rút kinh nghiệm chỉ đổi dự trữ số tiền riel vừa đủ để sử dụng...

Đầu năm 1970, Chính phủ Campuchia tung tin tiền giấy 500 riel bị các nước cộng sản giả đưa vào qua những vali ngoại giao⁽⁷⁶⁾, do vậy có lệnh đổi gấp loại tiền

⁽⁷⁴⁾ Tức ông Lữ Minh Châu (Ba Châu, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam) được đào tạo Đại học Tài chính - Ngân hàng với bí danh “Nguyễn Văn Thảo” (bí số A.37) để lãnh đạo Ban Tài chính đánh phá chế độ VNCH từ năm 1965, sau 30/4/1975 chính là một trong những Thống đốc NHNNVN.

⁽⁷⁵⁾ Theo lời kể của ông Vương Văn Tre, sinh năm 1947, ở Bắc Ninh, nhập ngũ năm 1967 vào chiến trường miền Nam, cho biết: “*Khi chuẩn bị tiến công vào Sài Gòn... được phát trước tiền sinh hoạt phí của 3 tháng bằng tiền của ‘Ủy ban Trung ương MTDTGPMNVN’ và được phổ biến: khi nào Đài phát thanh tuyên bố phát hành đồng tiền đó thì mang ra tiêu dùng*” (xem: Lê Thành Lân, (Tết Kỷ Mão 1999). “Kể mãi chuyện Mậu Thân”. *Quân đội Nhân dân Cuối tuần*. Số 163-164, tr. 9).

⁽⁷⁶⁾ Được miễn khám xét.

giấy này nhưng cán bộ của miền Bắc đã tập trung kịp đổi tiền mới, chỉ mất khoảng 5 triệu riel không đổi kịp do đường núi rừng từ khu 6 về Campuchia quá xa. Cũng vào thời gian này, tướng Lonnot đảo chính lật đổ Quốc vương Sihanouk, đã ra tay khủng bố Việt kiều ở Campuchia nên theo lệnh của ông Phạm Hùng⁽⁷⁷⁾, mạng lưới hối đoái ở Phnompenh phải bí mật rút về nước và giữ được số vốn dollar và tiền riel để giao cho Ban Kinh tài TWCMN. Luồng chính tạo ra tiền bị tắt vì mất chân đứng ở nước ngoài, Ban Tài chính Đặc biệt đã tìm hướng kiện toàn lại mạng lưới bằng cách mở ra một môi thông qua Công ty Kinh doanh Lúa gạo là một tổ chức bình phong hoạt động công khai hợp pháp...

Trên hình thức hoạt động đó, cung ứng của Hà Nội ngày càng tăng: “chế biến” được 25 triệu dollar năm 1972, 53 triệu năm 1973 và 63 triệu năm 1974. Còn tiền C thì “chế biến” hàng trăm triệu riel để mua quân nhu, lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu cho chiến trường miền Nam.

Cuối năm 1974, vùng quản lý được rộng dần, dân đông nên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định chuẩn bị phát hành (lần 3) tiền của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (CPCMLTCHMNVN), các thùng tiền giấy “*Ngân hàng Việt Nam*” được vận tải từ Bắc vô Nam, tập kết ở các khu rừng Bình Phước. Nhưng...

Đầu năm 1975, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam họp đánh giá so sánh lực lượng giữa miền Bắc và miền Nam, hạ quyết tâm đánh chiếm miền Nam, thành lập hội đồng chỉ viện cho chiến trường do Thủ tướng Chính phủ VNDCCH làm chủ tịch, còn NHNNVN của miền Bắc thì điều hàng ngàn cán bộ chủ chốt tăng cường cho Ban Kinh tài TWCMN. Sau khi chiếm được Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng... quân miền Bắc tiếp quản các hệ thống ngân hàng, lấy tiền của các ngân hàng đó làm kinh phí tiếp tục đánh chiếm vào Nam... Ngày 19/4/1975, Thường vụ TWCMN thông qua đề án “*Tiếp quản hệ thống ngân hàng, tín dụng, quản lý các kho tiền và kim khí quý, nắm tình hình hoạt động ngân hàng, tín dụng qua hồ sơ, tài liệu và các nguồn khai thác khác. Đề xuất giải quyết các đề nghị, rút tiền hoặc thanh toán liên ngân hàng. Theo dõi tình hình biến động tiền tệ trên thị trường, phát hiện và chống phá kịp thời các thủ đoạn của địch phá rối thị trường tiền tệ...*”⁽⁷⁸⁾.

Do chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng một cách thần tốc, chiếm được toàn miền Nam thống nhất đất nước nên dự định phát hành tiền riêng của CPCMLTCHMNVN trong vùng quản lý được chuyển sang việc chuẩn bị để phát hành toàn miền Nam...

⁽⁷⁷⁾ Bí thư TWCMN.

⁽⁷⁸⁾ Lê Văn Tư. “Bài đã dẫn”, tr. 35.

III. Thống nhất đất nước, thống nhất tiền tệ

Ngày 03/5/1975, CPCMLTCHMNVN tiếp quản, lấy NHQGVN của Chính quyền Sài Gòn làm Ngân hàng Trung ương của CPCMLTCHMNVN, do ông Trần Dương làm Thống đốc.

Do hoàn thành thống nhất với miền Nam quá nhanh, Chính phủ miền Bắc chưa có thời gian và điều kiện phát hành tiền đã chuẩn bị, nên ngày 09/5/1975, Trung ương Cục ra Chỉ thị số 03-CT/75 cho phép nhân dân vẫn được sử dụng các loại tiền của chế độ VNCH cũ để tạm thời bảo đảm sinh hoạt bình thường.

Ngày 06/6/1975, CPCMLTCHMNVN ra Nghị định số 4-PCT/75 cho phép NHQGVN của Sài Gòn cũ (địa chỉ hiện nay là số 17, Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) được hoạt động ngay trong thời kỳ quân quản, làm ngân hàng trung ương của miền Nam, Ủy ban Quân quản đã thay đổi các nếp cũ để đảm bảo trật tự khôi phục kinh tế... Sau đó, ngày 14/6/1975 có thêm Nghị định số 6-NĐ/75 giao cho NHQGVN nhiệm vụ tổ chức việc thanh lý tài sản của các ngân hàng và tổ chức tín dụng tư nhân nhằm bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân.

Tình hình chung dần dần đi vào ổn định nên ngày 01/8/1975, TWCMN ra Thông tri số 18-TT/75 chuyển các Ủy ban Quân quản thành Ủy ban Nhân dân Cách mạng ở các tỉnh thành phố để đi vào quản lý bình thường. Và đến ngày 21/9/1975 CPCMLTCHMNVN ra Quyết định số 12-QĐ cho phép NHQGVN phát hành các loại tiền “*Ngân hàng Việt Nam*” đã in từ 10 năm trước, đồng thời tổ chức kê khai và thu đổi tiền của Chính phủ Sài Gòn cũ: từ Đà Nẵng vào Nam cứ 1 đồng tiền “*Ngân hàng Việt Nam*” thu đổi 500 đồng tiền Sài Gòn cũ...

Hệ thống tiền giấy của CPCMLTCHMNVN gồm 8 loại mệnh giá: 10 xu, 20 xu, 50 xu, 1 đồng, 2 đồng, 5 đồng, 10 đồng và 50 đồng mặt trước chỉ ghi hàng chữ Ngân hàng Việt Nam, mặt sau cũng chỉ ghi Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam và năm in 1966 mang các hình ảnh sản xuất chiến sự ở miền Nam... Về tiền đúc thì năm 1975-1976 phát hành tiền nhôm mệnh giá 1 xu, 2 xu và 5 xu có hàng chữ Ngân hàng Việt Nam.

Ngày 14/10/1975, Hội nghị tổng kết công tác thu đổi tiền Sài Gòn và phát hành tiền Ngân hàng Việt Nam, đánh giá kết quả đối chiếu với số liệu của NHQGVN thì thu đổi được khoảng 70%, số 30% còn lại một phần do mất mát hư hỏng trong chiến tranh, một phần lớn cũng do các nhà tư sản mại bản ở Sài Gòn không chịu kê khai số lượng tung tích...

Riêng tỉnh Thừa Thiên Huế bị cách miền Nam bởi đèo Hải Vân thườn thọt, là nơi tiếp giáp giữa hai miền nên lúc đầu bị bỏ quên, không thuộc ngân hàng trung ương nào cả: hỏi NHNNVN miền Bắc thì chỉ vào Nam, hỏi NHNNVN ở miền

Nam thì được chỉ ra Bắc... Nhiều cuộc họp quan trọng về ngành ngân hàng không miền nào triệu tập cả nên hệ thống ngân hàng ở Huế phải tự tổ chức giải quyết theo mô hình miền Bắc... Do vậy, từ Quảng Trị vào Huế thì đổi tiền Sài Gòn cũ cứ 1000 đồng thì được lấy 3 đồng tiền miền Bắc.

Như vậy, cùng thời điểm cuối năm 1975, nước Việt Nam tuy đã thống nhất nhưng tạm thời có 2 chế độ tiền lưu hành song song: từ đèo Hải Vân trở ra thì dùng hệ thống tiền của NHNNVN như đã kể, từ đèo Hải Vân trở vào thì dùng hệ thống tiền của CPCMLTCHMNVN, với tỉ giá 1 đồng tiền Bắc = 0,8 đồng miền Nam. Vì có sự chênh lệch giá trị như vậy, và trong quá trình lưu thông tiền tệ giữa 2 miền còn có những đặc điểm riêng do tình hình mới, nên các cán bộ hoặc bộ đội công tác vào Nam ra Bắc thường có sự đổi chác với giá cả chợ đen tạo khoảng tiền lời riêng: ví dụ như cán bộ nhà nước đem tiền Bắc vào Nam mua đồ cho dân thì tính tỉ lệ 1:1, người dân miền Nam đưa tiền cho cán bộ 1 đồng Nam thì tính ăn 1 đồng Bắc nhưng khi cán bộ thanh toán với nhà nước thay vì tính 1 đồng Bắc thì chỉ có 8 hào Nam, như vậy có lời được 2 hào Nam...

Ngày 02/7/1976, kỳ họp thứ Nhất Quốc hội khóa VI của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam [CHXHCNVN] thông qua Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của bộ máy Nhà nước, trong đó NHNNVN là cơ quan trung ương thuộc Hội đồng Chính phủ và Tổng Giám đốc ngân hàng (nay gọi là Thống đốc) là một thành viên của Hội đồng Chính phủ. Từ đó đã bắt đầu in những đợt tiền mới chuẩn bị thống nhất hệ thống tiền tệ trên toàn quốc...

Sau khi Hội nghị hiệp thương thống nhất hai miền, ngày 25/4/1978, Chính phủ Nước CHXHCNVN quyết định thống nhất tiền tệ trên toàn quốc, cả nước thực hiện hệ thống ngân hàng một cấp là NHNNVN.

N.A.H.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2010). *Đồng tiền tài chính, giấy bạc Cự Hồ ở Nam Bộ*. Nxb Tài chính. Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2013). *Đồng tiền tài chính Việt Nam*. Nxb Tài chính. Hà Nội.
3. Câu lạc bộ sưu tầm & nghiên cứu đồng tiền Việt Nam. *Vietnam Numismatics*. Tạp chí đã phát hành từ tháng 10/2017, đã được 7 tập.
4. Hội Tem Thành phố Hồ Chí Minh (1994). *100 năm tiền giấy Việt Nam*. Nxb Trẻ.
5. Lê Văn Hiến (1995). *Nhật ký của một bộ trưởng* (2 tập). Nxb Đà Nẵng.
6. Lê Việt Cường, Đào Minh Tú, Ngô Quang Lương, Nguyễn Mạnh Tùng (2011). *Tiền Việt Nam*. Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.
7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016). *Lịch sử Ngân hàng Việt Nam [1951-2016]*. Nxb Lao động.
8. Nguyễn Anh Huy (2013). *Lịch sử tiền tệ Việt Nam: sơ truy & lược khảo*. Nxb Văn hóa Văn nghệ.
9. Nguyễn Bích Huệ (1968). *Đồng bạc Việt Nam và các vấn đề liên hệ*. Tủ sách Tiến bộ. Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai.

10. Nguyễn Thị Huyền (2009). “Tìm hiểu những giá trị lịch sử văn hóa tiền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn (1945-1975)”. *Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học*. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
11. Nhiều tác giả (1991). *40 mùa sen nở*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
12. Nhiều tác giả (1998). *Một thời không quên*. Nxb Thuận Hóa. Huế.
13. Nhiều tác giả (1982). *Những năm tháng thử thách trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954 (Hồi ký về công tác Ngân hàng)*. Viện Nghiên cứu Kinh tế tiền tệ, Tín dụng và Ngân hàng (lưu hành nội bộ).
14. Nhiều tác giả. *Hội thảo tiền tệ 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Ngày 29/9/1998.
15. Thng Tien Tat (2016). *Lịch sử tiền giấy Việt Nam: những câu chuyện chưa kể*. Nxb Văn hóa Văn nghệ.
16. Trần Dương, Phạm Thọ (1960). *Lưu thông tiền tệ ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Nxb Sự thật. Hà Nội.
17. Trần Quốc Dụ, Nguyễn Hữu Thuận, Nguyễn Bá (2000). *Đồng bạc Tài chính: đồng bạc Cụ Hồ [1945-1954]*. Nxb Tài chính. Hà Nội.
18. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (2006). *Tiền Việt Nam xưa & nay*. Nxb Thống kê.

TÓM TẮT

Sau khi giành độc lập năm 1945, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có một chiến lược vững vàng về vấn đề sản xuất và phát hành tiền tệ; mà giai đoạn đầu, chưa có ngân hàng, nên do Bộ Tài chính đảm nhận, gọi là tiền Tài chính. Từ việc in/ đúc tiền ở Huế, Hà Nội và sau đó là cho phép Nam Bộ in, phát hành nhiều loại tiền rất phong phú... Tuy tiền in ra mỗi nơi một khác, nhưng vẫn có tính thống nhất từ sự lãnh đạo và chỉ đạo chung của Chính phủ, tạo nên một mặt trận đấu tranh với địch vô cùng gay go, thậm chí Trung Bộ còn in giả tiền Đông Dương của Pháp để đưa vào Nam Bộ sử dụng làm rối loạn tiền tệ địch. Trải qua nhiều thời kỳ, chống Pháp, chống Mỹ... mặt trận này vẫn liên tục diễn ra trong 30 năm, sát cánh cùng các mặt trận khác như quân sự, ngoại giao... cho đến ngày thống nhất đất nước năm 1975, mới chấm dứt bằng hệ thống tiền tệ mới in năm 1976, phát hành năm 1978.

ABSTRACT

ON THE MONEY FRONT IN VIETNAM ABOUT “STRUGGLING FOR 30 YEARS TO REGAIN THE WHOLE COUNTRY” (1945-1975)

After independence in 1945, the Government of the Democratic Republic of Vietnam had a firm strategy on money production and issuance; In the first stage, there was no bank, so it was undertaken by the Ministry of Finance, it was called Finance Money. From printing / minting money in Huế, Hanoi and then allowing the South to print and issue a variety of currencies... Although the money is printed differently, there is still unity from the leadership and the general direction of the Government, creating an extremely tough battle front with the enemy, even the Central Vietnam imprinted French Indochinese counterfeit money being used in the South to cause currency disturbance. Over many periods, against the French and the US... this front has been going on continuously for 30 years, side by side with other fronts such as military, diplomacy... until reunification day in 1975, ended with the new monetary system in 1976, released in 1978.